

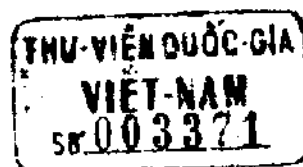
HỌC-VIÊN QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH  
-- SAIGON --

*Luận văn Tốt nghiệp*  
*Ban Đốc Sự*

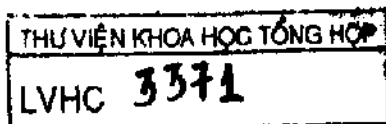
*Những điểm chính trong*

# QUY CHẾ BÁO CHÍ

**PHÂN TÍCH và PHÊ BÌNH**



*Giáo sư hướng dẫn:*  
TRẦN-VĂN-BÌNH



*Sinh viên đệ trình:*  
ĐINH-VIỆT-CU  
khóa XV  
1967 - 1970

KINH DẠNG THẦY MẸ

Để ghi nhớ những ngày NGƯỜI  
đã tận tụy, hy sinh và dành  
một tình thương bao la như  
Biển cả, cao ngất như Núi  
thái sơn, hãy mong cho con  
sớm trưởng thành

Đình viết ở

Trân trọng tri ân :

- Giáo-Sư Viện-Trưởng

- Giáo-Sư Phó Viện-Trưởng

- Toàn thể Giáo-Sư Học Viện Quốc-Gia Hành-Chánh

đã tận tâm giảng huấn, giúp đỡ suốt học-trình 1967-1970  
dưới mái Trường Hành-Chánh.

Đình Việt Cư  
Sinh-Viện Khốn XV Đốc-Sự  
Học-trình: 1967-1970

---

Xin thành kính cảm tạ :

Giáo-Sư TRẦN VĂN ĐÌNH

dã tận tình hướng dẫn hoàn tất  
luận-văn này.

Đình Việt Cư.

Kính gửi tới quý Vị :

- Giám-Đốc Nhà Báo Chí

- Quản-Đốc Trung-Tâm Quốc-Gia Báo Chí

lời tri ân chân thành, nồng nhiệt.

Đình Việt Cư.

Trước khi chọn đề-tài "Phân tích và phê bình những điểm chính của Qui-Chế Báo Chí Việt-Nam Cộng-hòa", tôi đã phân vân rất nhiều, trước hết vì tôi chưa thấu đáo am tường về báo chí, lại chẳng rộng giao thiệp với giới ký giả; hơn nữa là vì tôi đã hình dung được tình trạng luật lệ báo chí Việt-Nam do tập trong số lượng, phức tạp trong nội dung khi đem áp dụng vào thực tại.

Nhưng sau đó, vì nhận thấy đây là một đề-tài mới mẻ, sinh hoạt, gần gũi, hữu ích cho kiến thức phổ thông thường nhật, nên tôi đã quyết định chọn đề-tài này.

Trải qua những ngày khó nhọc trong việc sưu tầm dữ kiện, tài-liệu liên hệ và việc phỏng vấn ý-kiến, tôi đã có khá đầy đủ chất liệu để thực hiện một công trình sưu khảo qui mô. Song thay thay, vì khuôn khổ luận-văn có hạn, thời gian thực hiện lại bị rút ngắn, nên tôi đã phải cố gắng hoàn tất bản luận văn nhỏ bé này với sự áy náy khôn nguôi. Và tôi xin trông đợi thiết tha sự chỉ giáo sửa sai của Giáo-sư hướng dẫn cùng các Quý Vị liên lạc hay có thẩm quyền đối với vấn-đề này qua cả những khuyết điểm, thiếu sót không thể tránh khỏi trong luận-văn này. Sự lưu tâm của Quý Vị còn là một niềm hân hạnh của bản thân tôi.

Cuối cùng, tôi xin thành kính cảm tạ Giáo-sư hướng dẫn tận tành giúp đỡ tôi thực hiện công trình này, cùng sự tri ân chân thành, nồng nhiệt đối với các Quý Vị trong công quyền, báo giới để trực tiếp hay gián tiếp trợ giúp tôi hoàn tất luận văn này.

Hạ tuần  $\frac{09}{10}$

Anh Việt Cư

**THƯ**

PHẦN DẪN NHẬP - Quyền tự do ngôn luận và quyền tự do báo chí  
đối với luật lệ báo chí.

PHẦN THỨ NHẤT - Luật lệ báo chí tại Việt-Nam.

CHƯƠNG I - Luật lệ báo chí Việt-Nam trước ngày ban hành  
luật số 019/69 ấn-dịnh Quy-Chế Báo Chí.

Tiết I - Các giai đoạn

Mục 1. Giai đoạn đầu ( 1881-1939 )

Mục 2. Giai đoạn thứ hai ( 1939-1954 )

Mục 3. Giai đoạn thứ ba ( 1955-1963 )

Mục 4. Giai đoạn thứ tư ( 1963-1969 )

Tiết 2 - Nhận định tổng quát về các giai đoạn trên,

CHƯƠNG II - Luật số 019/69 ngày 30/12.1969 ấn-dịnh  
Quy-chế Báo Chí.

Tiết 1 - Lý do thành lập

Tiết 2 - Điển tiến thành lập

Tiết 3 - Nhận xét về phần hình thức.

PHẦN THỨ HAI - Phân tích và phê-bình Quy-Chế Báo Chí.

CHƯƠNG I - Về các điều khoản căn bản, tổng quát và  
thông thường về hình sự.

Điều 1 - Về các điều khoản căn bản.

Điều 2 - Về các điều khoản tổng quát.

Điều 3 - Về các điều khoản thông thường về hình sự.

CHƯƠNG II - Về các điều khoản trực tiếp liên quan tới  
hoạt động và tổ-chức báo chí.

Điều 1 - Chế-độ xuất bản và phát hành.

Điều 2 - Quyền hạn và trách vụ của báo chí.

Mục 1. Quyền hạn và trách vụ.

Mục 2. Hội-đồng báo chí.

PHẦN TƯ BA - TỔNG KẾT

CHƯƠNG I - Thực trạng báo chí Việt-Nam sau ngày Luật 019/69  
ngày 30.12.1969 ấn-định qui-chế báo chí được  
áp dụng.

CHƯƠNG II - Kiến toàn nền dân-chủ, tự do báo chí tại Việt-Nam.

Điều 1 - Sự tu chỉnh Luật số 019/69

Mục 1. Về chế-độ tự do ngôn luận.



Mục 2. Về chế-độ xuất bản và phát hành.

A/ Về thể lệ

B/ Về các điều kiện cá nhân của người làm báo.

Mục 3. Về tổ-chức làng báo.

Tiết 2 - Những yếu tố cần thiết, ngoại tại :

Mục 1. Khía cạnh tiêu cực, khách quan.

Mục 2. Khía cạnh tích cực, chủ quan.

A/ Phía báo giới

B/ Phía quần chúng độc giả

C/ Phía công quyền.

1 - Tư-Pháp

2 - Hành-chánh

1. Quốc-Gia tôn trọng quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, báo chí và nhất bản thân là sự hình xử các quyền này không phương hại đến danh dự cá nhân, an-ninh quốc-phòng hay thuần phong mỹ tục.
2. Chế-dộ kiểm duyệt không được chấp nhận, ngoại trừ các bộ môn điện ảnh, và kịch trường.
3. Liệt đạo luật sẽ ổn định qui-chế báo chí!  
( điều 12, Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-hòa ngày 1.7.67 )

"Tự-do của chúng ta còn hay mất là ở chỗ báo chí có được tự do hay không. Nếu tự-do báo chí bị hạn chế, thì các tự do khác cũng bị tiêu diệt".

( Thomas Jefferson )

"Nói đến quyền tự-do báo chí là nói đến quyền tự do ngôn luận, một thứ quyền tiêu biểu cho nền văn-minh của một dân tộc, và là biểu hiệu của một nền tự do dân-chủ thực sự. Do đó, nơi nào có dân-chủ thực sự, nơi đó có tự do báo chí, nơi đó có nguồn sống của sự sống".

(Trang 6, Phụ-trình của Ủy-Ban Thông-Tin -  
Chiêu Hồi, Lập Nghị-Viện về Qui-Chế Báo chí)

PHẦN DẪN NHẬP

Tự-do ngôn-luận và tự-do báo chí đối với luật lệ Báo Chí.

Trong nền văn-minh tiến-bộ hiện đại của nhân loại về phương diện tư tưởng, ý thức ngày nay không còn ai phủ nhận được quyền tự do tư tưởng. Quyền tự do tư tưởng là một quyền tự do tuyệt đối của con người, không ai có thể ngăn cản được, vì đây là quyền tất nhiên của nhân trí của nhân loại. Pháp luật chỉ có thể qui định về quyền tự do diễn đạt, truyền bá tư tưởng đó là quyền tự do ngôn luận. Quyền tự do ngôn luận này bao gồm luôn cả quyền tự do báo chí và tự do xuất bản, vì báo chí hay sách vở là hai phương tiện quan trọng nhất trong việc truyền bá tư tưởng. Thật vậy quyền tự do ngôn luận là quyền được bày tỏ, diễn đạt tư-tưởng mình, nếu không được/dùng quyền tự do báo chí tức là quyền được sử dụng những phương tiện gần gũi, hữu hiệu, nhanh chóng nhất ngày nay để thông tin truyền đạt, quảng bá tư-tưởng ý-kiến, thì thủ hốt quyền tự do ngôn luận có đạt được những mục đích sâu rộng to lớn được không. Vậy chấp nhận quyền tự do tư tưởng, tức là đương nhiên chấp nhận quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và tự do xuất bản.

Quyền tự do báo chí là một trong những quyền then chốt nhất để thực hiện đặc tính và bản chất của chế-độ chính-trị tại quốc-gia. Quyền này phải được coi là một quyền căn bản có tính cách hiến định. Quyền này còn được xem như là một chủ quyền thứ tư của quốc-gia (sau 3 quyền lập-pháp, hành-pháp và tài-phán) do báo giới nắm giữ hành xử các nhiệm vụ:

- Thông-tin, phổ biến các tư tưởng, tin tức tình hình quốc-hộ, và quốc-tế

- Giữ tự do giá

- Phê bình chỉ trích những sai lầm, thiếu sót, bất lực trong chính quyền và xã-hội.

- Cải hóa, điều-hướng các định chế xã-hội trên mọi khía cạnh sinh hoạt.

- Tạo nhịp cầu thông cảm hiểu hết rộng rãi giữa chính-quyền và quần chúng, cũng như hỗ trợ cho chính-phủ khi cần.

Nhiệm-vụ này giống như nhiệm-vụ một chính đảng.

Báo chí còn nắm giữ vai trò quan trọng trong những cuộc vận động tuyên cử, đấu tranh chính-trị....

Ngày nay quyền tự do ngôn luận báo chí được công nhận tại đa số các quốc-gia trên thế giới, nhưng sự hành xử quyền này có nhiều mức độ khác biệt, phạm vi áp dụng hạn hẹp hay rộng rãi tùy thuộc rất nhiều yếu-tố khác... Tuy vậy, ta vẫn thấy quyền tự do này thường được đề cập trong những bản tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền quốc-tế và các bản hiến-pháp của các quốc-gia tự do.

Nó tới quyền tự-do báo chí là nó đến quyền tự do ngôn luận, một thứ quyền tiêu biểu cho nền văn minh của một dân tộc và là biểu hiệu của một nền tự do dân-chủ thực sự. Do đó nơi nào có dân-chủ thực sự, nơi đó có tự do báo chí, nơi đó có văn-minh, nơi đó có nguồn sống của sự sống.

Quả vậy, một chế-độ dân-chủ tự do thực sự không thể nào thiếu vắng được một nền báo chí tự do, những luật lệ báo chí dân-chủ, trên bộ. Báo chí được coi là cơ-quan giám sát chính quyền. Với quần chúng không có phương-tiện kiểm-soát gián tiếp, đợt chúng hữu hiệu hơn trong việc kiểm-soát chính-quyền là báo chí .....

Thomas Jefferson đã phát biểu "Tự do của chúng ta còn hay mất là ở chỗ báo chí có được tự do hay không. Nếu tự do báo chí mà bị hạn chế thì các tự do khác của chúng ta cũng bị tiêu diệt."

Sao vậy, vì báo chí là phương-tiện hiệu nghiệm nhất để nhân dân kiểm-soát công việc của chính-quyền.

Tuy nhiên, cũng chính là vai trò quá quan hệ của báo chí trong sinh hoạt thường nhật của quốc-gia nên chính-quyền tại các quốc-gia, nhất là tại các nước Á Phi chậm tiến, thường có khuynh hướng áp lực, can thiệp kiểm-trục tiếp hay gián tiếp càng nhiều càng tốt và bằng phương diện nào vào báo chí ... Trong khi báo giới và quần chúng thường có khuynh hướng chống lại .... cả hai phía đều có đầu đủ lý do biện minh thất-dộ quan-diểm này... Chẳng hạn chính-quyền đề cao, bênh vực chế-độ kiểm duyệt và cho là trình độ kiến thức của dân chúng còn thấp, báo giới còn chưa ý thức được nhiệm vụ bốn phần, chưa biết hành xử đúng đắn quyền tự do báo chí và tình hình quốc-gia về chính-trị, kinh-tế, xã-hội đang bất ổn ... chế-độ kiểm duyệt là một phương-tiện áp lực kiểm soát rõ ràng chính thức, mạnh mẽ nhất của chính-quyền đối với báo chí ... đầu sao, ta cũng phải công nhận rằng bất cứ tại quốc-gia tự do nào, chế-độ này còn được áp dụng trong trường hợp bị chiến tranh, nội loạn tình hình kinh-tế chính-trị suy sụp thối bại. Đầu sao, trong chiều hướng xây dựng, thực thi và phát triển dân-chủ tự do thực sự chế độ này nên được bãi bỏ càng sớm càng tốt. Chính ở quan-diểm này một lần nữa Thomas Jefferson lại phát biểu không một chính-phủ nào có thể không thể bị kiểm soát, nhưng báo chí thì tự do, không cần có kiểm soát (No Government ought to be without censor while the press is free, none will ).

Song le, trên bình diện thực tế cũng như lý thuyết ta không thể nào có thể quan niệm được quyền tự do báo chí hoàn toàn phóng túng đến nỗi ai cũng có thể muốn nghĩ gì, viết gì cũng được. Phạm cái gì nếu để buông thả quá trớn thì cũng không thể nào tránh khỏi sự lạm dụng xấu xa, tai hại.

Bên vực cho nền báo chí dân chủ thực sự không có nghĩa là chấp nhận một sự thả lỏng cho báo chí lựa quyền, muốn làm gì thì làm, bất chấp những quyền lợi chung, trật tự công cộng, an ninh quốc-gia nhân phẩm con người.... **Hồ** hào **bổ** chế-độc-đem soát báo chí cũng không phải là việc để báo chí thả hồ hành xử đặc quyền này vì phạm những quyền lợi thiêng liêng tốt cao, của con người, của xã-hội. Do đó báo chí bắt buộc phải chịu những hạn chế của luật lệ xã-hội loài người. Sự hành xử quyền tự do báo chí không thể nào đi quá các biên cương, phạm vi của những điều tốt cần thiết này. Ngày nay ta không thể nào còn quan niệm được nền tự do báo chí hoàn toàn đúng theo quan niệm cổ điển, mà ngược lại do sự thiếu bộ của ý thức, lương tâm con người; sự thiếu triển của văn minh, khoa-học, kỹ-thuật; quyền tự do báo chí phải được quan niệm một cách hợp lý, chính xác, điều này có nghĩa là phải có luật lệ cần thiết để ngăn chặn, hạn chế sự lạm quyền của báo chí. Sau đó ta lại phải công nhận: nếu có tự do lựa chọn và hành động, thì báo chí cũng phải được điều hợp với các quyền tự do khác. Đó là các lý do xác đáng nhất để minh chứng cho sự cần thiết của một luật lệ báo chí. Tùy ở mỗi nơi, mỗi lúc, luật lệ báo chí có thể khác biệt nặng nhẹ tùy mức độ, song dù sao những luật lệ này cũng phải qui định những ngăn chặn, hạn chế tối thiểu và chế-tai

những vi phạm. Luật lệ này không những cần thiết hữu ích cho các cơ quan làm quyền chủ thể xã-hội, cho quần chúng độc giả... mà còn cần bảo vệ nữa... Người cầm bút, trước khi viết, có thể lường được hậu quả những bài viết của mình; dự liệu được trước những mức độ hình phạt chế-tạt, những vi phạm của mình; và sau hết, quan hệ vô cùng. Tùy theo hoàn cảnh nội bộ, chế-độ chính-trị của quốc-gia, luật lệ về báo chí có thể khác biệt trong sự qui định nghĩa-vụ, thẩm quyền, chế tạt, quyền lợi bảo đảm của người làm báo và cũng khác biệt nặng nhẹ tùy theo cấp độ. Trên khía cạnh nội dung, luật lệ báo chí phải nhằm mục đích tránh những sự thiếu sót khi đem áp dụng vào thực tế cũng như sơ hở luật lệ có thể đưa tới sự hỗn loạn báo chí về số lượng và nội dung hầu:

- Tránh được những tai họa cho xã-hội và cho chính báo giới nữa.
- Nâng cao trình độ trí thức của độc giả cũng như của kẻ cầm bút.
- Ngăn chặn kiểm soát, trừng trị những vi phạm báo chí liên quan đến trật tự công cộng, an ninh quốc-gia, thuần phong mỹ tục, danh dự nhân phẩm.
- Thực hiện đóng góp xây dựng nền dân-chủ tự do chính-trị.
- Phục vụ công ích và quyền lợi quần chúng.

Nên luật lệ báo chí phải thật đầy đủ, rõ ràng, tiến bộ hợp lý để thể hiện quyền tự do báo chí qua các quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản và tự do phát hành với tất cả những ngăn chặn, hạn chế trừng trị cần thiết cho nghĩa-vụ, quyền lợi, trách nhiệm, phạm vi, tội trạng và hình phạt của báo chí. Luật lệ báo chí nên được coi là hàng rào hướng

dẫn hơn là hàng rào ngăn cản quyền tự do báo chí.

Luật lệ báo chí có thể nặng tính cách ngăn chặn (préventif) hay trừng trị (répressif), qua việc qui định trách nhiệm, quyền hạn, hình phạt. Như tại Anh quốc và Ấn-Độ có nền báo chí thực sự tự do dân chủ, nhưng có những chế tài thật nặng nề đối với những vi phạm luật lệ báo chí; đó là chế-độ trừng trị (régime répressif) và cũng được gọi là chế-độ hậu kiểm - Còn tại Pháp quốc, và Việt-Nam ta trước ngày 30.12.1969 chế-độ tiền kiểm hay chế-độ phòng ngừa (régime préventif) được áp dụng.

Riêng Việt-Nam ta, trong khung cảnh của một quốc-gia đang trên đà phát triển kinh-tế (pays en voie de développement) trên con đường xây dựng và củng cố nền dân chủ thực sự trong cuộc chiến đấu chống Cộng sản xâm lăng hiện nay nên trong bản Hiến-Pháp của Cộng-Hoa Việt-Nam, điều 12 đã minh xác, bảo đảm quyền tự do ngôn luận, và đề cập việc thực hiện một bộ luật báo chí. Do đó, hơn bao giờ hết, một qui chế báo chí độc lập, tự do, xây dựng đã tỏ ra thực sự cần thiết sự hiện hữu của bộ luật báo chí hội đủ những yếu tính trên đây, sẽ chúng tỏ được mối quan tâm thiết tha của giới lãnh đạo quốc-gia đối với nền dân-chủ, tự do; phù hợp được với thực trạng; biểu hiện được nguyện vọng khát khao, chính đáng của quần chúng, nhất là sẽ thâm đạt được thắng lợi lớn lao trong cuộc đấu tranh tuyên truyền, ý thức hệ với địch thủ trên chính trường quốc nội cũng như quốc-tế; và sau sẽ đánh dấu được một kỷ nguyên sáng sủa, mới mẻ cho nền báo chí Việt-Nam sau hơn 100 năm tăm tối của luật lệ ...

Tuy nhiên, các điều trên đây vẫn chưa đủ mà còn tùy thuộc, trước một hoàn cảnh khách quan của trào lưu tiến bộ ý thức hiện đại



cùng với hoàn cảnh chủ quan của những người đóng góp, liên hệ xa gần trong công cuộc dân-chủ hóa nền báo chí nước nhà, nhất là sẽ lưu tâm, cố gắng, tôn trọng và thực thi nghiêm chỉnh bộ luật này.

Trong chiều hướng các cường niệm (idée force) nêu trên, ta cần phải lần lượt trình bày đại cương về lịch sử luật lệ báo chí Việt-Nam, phân tích và phê bình nội dung qui chế báo chí này, khảo sát việc áp dụng thực tiễn qui chế này, và sau cùng nhận định một khung cảnh hoàn thiện thuận lợi của làng báo trong hiện tại và tương lai.

Với nhiều thiện trọng, chúng tôi xin bắt đầu các phần chủ yếu sau đây :

- Phần thứ nhất : Đại cương về luật lệ báo chí Việt-Nam.
- Phần thứ hai : Phân tích và phê bình nội dung Quy-chế báo chí.
- Phần thứ ba : Tổng kết

o  
o

PHẦN THỨ NHẤT

LUẬT LỆ BÁO CHÍ TẠI VIỆT-NAM

Trước khi đề cập tới luật lệ báo chí Việt-Nam thiết tưởng ta phải có một cái nhìn sơ lược về tình trạng trong lịch-sử Việt-Nam báo chí đã xuất hiện tại Việt-Nam hơn 100 năm nay, từ khi người Pháp đặt chân lên Nam-Kỳ. Những tờ báo đầu tiên như Gia-Linh Báo (1865-1897) ra hàng tuần Nam-Kỳ Nhật trình (1883) ra ngày thứ bảy bằng hai thứ tiếng Pháp Việt, Nhật Báo Tỉnh (Le Moniteur des Provinces 1912 ra ngày thứ hai. Hầu hết báo chí chỉ có tính cách thông tin đường đạo dụ của Chính-Phủ. Dần dần báo cũng đề cập đến những xã-hội tranh đấu chính trị và hô hào độc lập tự do. Ta không thể quên được những tờ báo đã đóng góp rất nhiều trong công cuộc tranh đấu chống Pháp và hô hào cải tổ xã-hội như "La Lutte" của Tạ Thu Thâu, "La Cloche fêlée", "Phong Hóa", "Vấn Làn". Về văn chương báo chí đóng góp rất nhiều trong việc hoàn thiện hóa lối hành văn và đã làm giàu cho văn-hóa Việt-Nam không ít. Các tờ báo nổi danh cho làng báo như cho xứ sở như Đông-Dương Tạp Chí ( 13 - 16 ) Nam Phong (17-32) Hải Thanh (31-25) An Nam (26-27). Trong vòng 100 năm, Việt-Nam đã có đến hơn 1.000 tờ báo viết bằng nhiều thứ tiếng ra hàng ngày hay định kỳ nội dung đề cập đến văn-hóa, chính-trị, văn nghệ, nhĩ đồng, tôn giáo giáo dục... Sự tiến bộ mau lẹ về kỹ thuật nội dung ý tứ đã nói lên phần nào sự trưởng thành và xác định vị trí của,

Song song với sự xuất hiện và trưởng thành của báo chí Việt-Nam này, ta phải đề cập tới sự chi phối của luật lệ đối với làng báo Việt-Nam trong vòng hơn 100 năm (kể từ khi tờ báo Việt-Nam đầu tiên là tờ Gia-Linh Báo xuất hiện từ năm 1865) cùng với tất cả sự biến đổi trong việc qui định và áp dụng luật lệ này... Để có thể có một cái nhìn khái quát đơn giản nhưng rõ rệt về tình trạng luật lệ chi phối làng báo Việt-Nam thiết tưởng ta nên chia ra làm 2 giai đoạn sau đây :

Giai đoạn thứ nhất -

Chưa có một bộ luật toàn vẹn đầy đủ nào mà chỉ áp dụng, hành động tùy thời tùy cảnh cứ vào các bộ luật về báo chí của Pháp áp dụng tại Long Duong, cũng như là từ thời Việt-Nam độc lập, ta cũng chỉ có luật lệ có tính cách cục bộ do nhà cầm quyền đương thời ban hành nên vẫn có tính cách khế thừa khuyết và phải đổi chiểu rất nhiều, dựa vào các luật lệ của Pháp, cũng như các luật lệ của báo chí được áp dụng buổi đó mỗi khi cần giải thích và áp dụng.

Thời Việt-Nam có bộ luật thực sự về báo chí : Làng báo Việt-Nam đã đi vào khúc quanh mới sau khi Luật số 019/69 ấn định qui chế báo chí được ban hành và áp dụng.

Ta sẽ lần lượt đề cập dưới đây :

CHƯƠNG I : Luật lệ báo chí Việt-Nam trước ngày

ban hành Luật số 019/69

Tuy tờ Gia-Định Báo xuất hiện tại Nam-Kỳ ngày 01.04.1965 nhưng cho tới 16 năm sau mới có luật lệ chính thức của Pháp chi phối (1881) khi qui-chế báo chí ngày 30.12.1969 ra đời, làng báo Việt-Nam đã phải chịu chi phối của khoảng 30 năm văn kiện luật pháp và lập qui răn rạc xuất hiện đầu tiên là đạo luật về quyền tự do báo chí ngày 29.7.1881 tại Pháp áp dụng cho Long-Duong hay đúng hơn tại Nam-Lý; sau là từ các nhà cầm quyền thuộc địa bảo hộ kế tiếp là các chính-phủ Việt-Nam độc lập làm thời chính-phủ thời đệ-nhất cộng-hòa, chính-phủ thời hậu cách mạng 1.11.1963 và chính-phủ đệ-nhị cộng-hòa trước khi có luật 019/69. Để có thể hiểu biết về tình trạng luật lệ báo chí trong khoảng hơn 100 năm với sự biến đổi nhiều chế-độ, chính thể chính-trị, thiết tưởng ta nên đi sâu vào vấn-đề này qua sự khảo sát các giai đoạn cũng như một sự nhận định tổng quát về tình trạng báo chí thời nay.

TRÉT I - Các giai đoạn về luật lệ báo chí -

Ta có thể chia làm 4 giai-đoạn dưới đây :

Mục 1 - Giai đoạn đầu (1881-1939)

Trong giai đoạn này, đạo luật về tự do báo chí ban hành tại Pháp ngày 29.7.1881 cũng được coi là đạo luật căn bản áp dụng tại Nam-Kỳ . Đạo luật này tương đối đầy đủ rộng rãi, tiêu bộ đầu-chủ, gồm có 69 điều trong 6 chương sau :

- Chương I : gồm 4 điều khoản nói về chế-độ xuất bản và phát hành.
- Chương II : nói đến báo định kỳ gồm 10 điều, từ điều 5 - 14
- Chương III : đề cập tới việc đăng tải, lưu hành, quảng-cáo, gồm 8 điều từ điều 15 tới điều 22.
- Chương IV : Về tội phạm, gồm 19 điều, từ điều 23 tới điều 41
- Chương V : Thủ-tục tố tụng và chế-tạt hình-sự , 26 điều điều 42 tới 67.
- Chương VI : gồm 2 điều 68, 69 có tính cách chuyển tiếp.

Sau đó có Luật ngày 2.8.1882 qui định bổ túc về tội xâm phạm tư nhân phong kỷ tục . Luật ngày 10.3.1889 và sự đăng tải loan báo trước công luận , Sắc-luật ngày 13.12.1893.

Sắc-luật ngày 24.10.1927 chế-độ báo chí tại Đông-Dương trừ Nam-Việt. ...

Tuy vậy bộ luật 1881 cũng như các luật ban hành bổ túc kế tiếp này không được áp dụng thống nhất trên toàn cõi Đông-Dương. Bắc-Kỳ và Trung-Kỳ được đặt dưới chế-độ bảo hộ nên báo chí không được hưởng qui chế giống như Nam-Kỳ ... Vì riêng tại Nam-Kỳ (Cochinchine) báo chí tại đây cũng không được đặt dưới sự chi phối của bộ luật riêng của

chính quyền thuộc địa Nam-Kỳ, và ông Trần-Tân-Quốc đã chia ra làm 3 giai đoạn đặc biệt như sau :

- Giai đoạn vô ý thức thuộc ban đầu (1865-1917) đây là thời kỳ báo chí do người Pháp chủ trương được dùng làm công cụ của thực dân và Pháp các báo tại Nam-Kỳ thời này được tự do.

- Giai đoạn ý thức quốc-gia xã-hội (1918-1927) báo chí do người Việt-Nam chủ trương và được dùng làm phương tiện đấu tranh chính-trị của giới trí thức sĩ phu cũm học và tân học. Báo chí Trung và Bắc-Kỳ lúc bấy giờ bị chi phối bởi Sắc-lệnh ngày 4.10.1927 theo đó kẻ muốn ra báo phải xin phép trước. Tại Nam-Kỳ vì lẽ thuộc-địa nên báo chí được chính-quyền Pháp cho hưởng đôi chút tự do.

- Giai đoạn từ 1927-1939. Trong giai đoạn này nhà cầm quyền Pháp đã đặt ra nhiều biện-pháp, luật lệ kiểm soát chặt chẽ về xuất bản, lưu hành báo chí khác nhau tại 3 miền. Các tờ báo có khuynh hướng chính-trị cực tả chống Pháp thường bị rút giấy phép xuất bản và các chủ nhiệm chủ bút bị bắt bớ, tù đày.

Nói chung, trong giai đoạn 1965-1939 báo chí Việt-Nam đã đóng vai trò quan trọng trong các việc thông tin, giải trí thời sự nhất là trên khía cạnh dịch thuật và văn chương.

## 2/ Giai-đoạn 2 : (1939-1954)

Khi Thế-Chiến thứ hai bùng nổ vì nhu cầu chiến tranh quốc phòng cũng như tiếp tục ngăn chặn các nguy hại về chính-trị của Pháp quốc. Nhà đương cuộc Pháp đã phải áp dụng biện pháp kiểm soát chặt chẽ báo chí bằng Pháp ngữ hay Việt ngữ xuất bản tại Việt-Nam.

Đầu tiên là sắc-lệnh ngày 24.8.1939 ấn-dịnh qui-chế kiểm soát báo chí và việc xuất bản, ban hành tại Long-Dương ngày 2.9.1939, qui định thể lệ trên kiểm các ấn-phẩm, họa phẩm, chương-trình

truyền thanh và phim ảnh. Dự 15.1.1940 qui định việc truy tố các tác giả bất báo để biết tại Pháp Nam Triều Sắc-lệnh 29.5.1941 bỏ-tức các văn-khẩu lập pháp trước 13.12.1941 về việc phải có phép của chính quyền hành-chính địa-phương mới được xuất bản ra báo tại các thuộc địa.

Vậy dưới thời Pháp thuộc, báo Việt ngữ đã chịu chế-độ kiểm duyệt.

Khi quân đội Nhật tiến vào Việt-Nam nên báo chí lại phải chịu chế-độ kiểm duyệt khác khe hơn nữa.

Năm 1945 Việt-đình cướp chính-quyền nên khi Nhật bại trận, trong thời này, luật lệ báo chí kể như không áp dụng nên các báo chí tự do xuất bản và phát hành và đưa tới tình trạng hỗn loạn báo chí cả về lương lẫn phẩm.

Sau khi thực dân Pháp theo chân quân đội Anh trở lại Đông Dương, quốc-gia Việt-Nam được thành hình trên giấy tờ và hình thức, luật lệ báo chí của Pháp lại được tái áp dụng. Dưới thời Bảo Đại có 2 nghị-định 81/Saigon ngày 19.5.1950 và nghị-định bỏ-tức 31/Cab/Press ngày 6.9.1950 ấn-định thể lệ kiểm duyệt... Và dưới thời Thủ-Tướng Bửu-Lộc có nghị-định số 275-PTT/TK ngày 5.4.1954 hủy bỏ 2 nghị-định trên và được coi là văn kiện lập qui cầu bản cho thể lệ kiểm soát ấn loát phẩm nói chung và báo chí nói riêng.

### 3/ Giai-đoan thứ ba (1955-1963)

Năm 1954, Pháp rút khỏi Việt-Nam; Thủ Tướng Ngô-đình-Diệm chấp chánh năm 1955 trở thành Tổng Thống đầu tiên của đệ-nhất Cộng-hòa. Bưu-tiến-Pháp ngày 26.10.1956 đã qui định quyền tự do ngôn luận ở điều 16. Ngày 19.2.1956 sắc lệnh 23-TT ngày 19.2.1956 đình chỉ việc thi hành kiểm duyệt đối với các báo chí Việt ngữ xuất bản tại Việt-Nam. Tối khi các biến động chính-trị nội bộ bùng nổ ngày 20.8.1963 chế độ kiểm duyệt lại hồi sinh. Sắc-lệnh 2/64 19.2.1964 công nhận quyền tự do ngôn luận, tự do báo-chí, Sắc luật 10/64 ngày 30.4.1964 về qui chế tự do xuất bản báo chí và tổ chức báo chí.

4 - Giai đoạn thứ tư (1963-1969)

Báo chí được tự do không bị kiểm duyệt mãi tới trung-tướng Thủ-Tướng Nguyễn-Khánh tái lập kiểm duyệt qua Sắc-luật 15/64 ngày 7.8.1964. Ngày 20.7.1967 Ủy-Ban Lãnh Đạo Quốc-Gia ban hành Luật 027/67 đình chỉ biện-pháp kiểm duyệt.

Nhưng sau ngày 31.1.1969 của biến động Tết Mậu Thân, chế-độ kiểm duyệt lại được hồi sinh... Mãi tới ngày 1.5.1968 khi tình hình được vẫn hồi và nhu cầu đòi hỏi, Thủ-Tướng Trần Văn Hương tuyên bố bãi bỏ kiểm duyệt báo chí theo đúng tinh thần của điều 12 Hiến-Pháp Lẽ-nhĩ Cộng-Hòa.

TRẮC II - Nhận định tổng quát về các giai đoạn trên

Xuyên qua một giai đoạn trên, ta có vài nhận xét sau :

- Báo chí Việt-Nam hay đúng hơn, luật lệ báo chí Việt-Nam (ngay trong thời kỳ độc lập) vẫn thường chịu nhiều ảnh hưởng, chi phối của luật báo chí căn bản 1881 và các luật lệ kế tiếp khác của Pháp.

- Dưới thời Pháp thuộc, trong các luật lệ báo chí của Pháp được áp dụng tại Long-Dương và ngay tại cả Nam-Kỳ; song báo chí cũng không được hưởng trọn vẹn những điều khoản này mà phải chịu thêm nhiều luật lệ khác biệt, khắt khe, thiếu nhất trí vì tình hình chính trị, quân sự.

- Vấn-đề kiểm duyệt (có từ năm 1939) thường dè dặt trên quyền làm báo Việt-Nam, dù đôi khi bị đình chỉ, song một thời gian ngắn sau lại được áp dụng.

- Các luật lệ báo chí Việt-Nam sau này chỉ có tính cách cục bộ, vá vữa, kém khuyết, nhất thời, phần tiến bộ gây nhiều khó khăn cho làng báo.

- Nói chung, luật lệ báo chí trong thời kỳ thật tập trung vào về lượng lẫn về phẩm.

- Thêm-phần Trần-Thúc-Linh đã đưa ra một nhận xét, phê bình thật xác đáng : "Luật lệ của ta về báo chí quá rối phức tạp và thiếu nhất trí, nguyên do là sau thời Pháp thuộc, ta vẫn giữ các pháp-chế cũ của thực dân, rồi đem vá vủ lại cho phù hợp với nhu cầu nhất thời"... Qua điều này ta lại còn có thể nhận xét được những lý do khó tưởng thành mà chóng và phát triển mạnh mẽ của làng báo Việt-Nam, mặc dù đã có lịch sử của hơn 100 năm chức nghiệp, và chính tình trạng này đã phát sinh ra nhu cầu sớm thảo, thành lập và áp dụng một bộ luật báo chí mới mà ta sẽ đề cập dưới đây .

CHƯƠNG II - Luật số 019/69 ngày 30.12.69 ấn-dịnh qui-chế Báo

TIẾT I : Lý do thành lập

Tình trạng rối rắm, phức tạp, phi dân-chủ của luật lệ báo chí Việt-Nam đã được các nhà lập hiến của nền Cộng-Hòa lưu tâm tra cứu để qua việc minh định quyền tự do ngôn luận báo chí qua điều 12 của Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa, sau đó do sự quyết tâm, can đảm của Tổng Thống Thiệu hợp cùng những nhà lập pháp tiên bộ đã vượt qua một khó khăn thực tiễn trong mục đích, chỉ hướng tạo một đệ tứ quyền độc lập, vững mạnh chứng tỏ tính cách dân-chủ của chính-thể, chế-độ. Nên ngày 30.12.1969, Luật số 019/69 được ra đời ấn-dịnh qui chế báo chí.

TIẾT II - Diễn tiến thành lập

10 tháng sau khi bản Hiến-Pháp của Cộng-Hòa Việt-Nam ra đời ngày 01.4.1967 trong mục đích và chỉ hướng đích thực xây dựng tự do dân-chủ. Bộ Thông-Tin Chiêu Hồi đã hoàn tất và đệ trình một dự-thị qui-chế báo chí mới lên cấp lãnh đạo tối cao. Một thống mưu Phủ Tổng ra đề nghị chuyển sang Quốc-Hội; tại đây Ủy-Đan Thông-Tin Chiêu Hồi Hạ Nghị Viện đã điếu kết các ý kiến, quan điểm liên hệ đến dự luật này, và đem ra thảo luận trong phiên trường họp hạ-nghị ngày 04.5.1968. Nhưng các cuộc



số: với chủ trương rõ rệt phần đối xử của tổ chức báo bỏ dự thảo qui chế báo chí này, và Hạ Nghị Viện đã tự thảo ra, rồi chung quyết một dự luật mới khác vào ngày 17.5.1968; và Thượng Nghị-Viện đã nhận được dự luật này hôm sau. Song vì gặp phải công kích dữ dội của báo giới ở tình cách thiếu sót và mất tự do, nên dự luật này đã được tạm ngưng tiến hành trong khi đang được bàn các tư chính tới điều 12 vào ngày 27.6.1968; và Ủy-ban Tư-Pháp và Chính-chế Thượng Nghị Viện được ủy-nhiệm và nghiên-cứu và tái trình dự luật tư chính mới.

Ngày 07.4.1969, trong buổi diễn văn đọc trước phiên nhóm lưỡng Viện, Tổng Thống Nguyễn-Văn-Thiệu đã hối thúc nghị-lập Quốc-Hội sớm hoàn thành qui-chế báo chí mới, cần thiết cho nền dân-chủ tự do thực sự đang được xây dựng và củng cố.

Thượng Nghị-Viện trong phiên họp liên tiếp, đã chung quyết dự luật vào ngày 13.6.1969 rồi chuyển sang Hạ Nghị Viện. Tối tháng 7 năm 1969, Hạ Nghị Viện đã thảo luận xong phúc nghị này, đã chuyển sang cho Hành-Pháp ban hành. Nhưng Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã yêu cầu phúc nghị 8 điểm liên quan tới các điều 6, 23, 24, 26, 28, 32, 49 và 50. Và kết quả là sau phiên họp chung quyết của Quốc Hội vào ngày 10.12.69, 4 điều phúc nghị quan trọng của Tổng Thống, còn 4 điều khác được chấp thuận bởi vì sự bác bỏ của Quốc-Hội không hội đủ túc số cần thiết.

Ngày 30.12.1969, Luật số 019/69 được ban hành ấn-định qui chế báo chí để thực sự thổi được một làn sinh khí mới vào lòng báo Việt-Nam đang ở trong tình trạng mù mờ, hồmang của luật lệ.

### TRÉT III : Nhân xét về phần hình thức

Luật số 019/69 ấn-định qui-chế báo chí, ban hành ngày 30.12.1969 gồm 69 điều khoản quy định trong 8 chương sau đây :

Chương I : Điều khoản căn bản : gồm 2 điều đầu tiên minh định quyền tự do báo chí là quyền căn bản được tôn trọng và bảo đảm,

và sau xác nhận 3 giới hạn rõ rệt của quyền tự do này; sau đó, đề cập tới vai trò hội ý của cơ-quan tư-pháp đối với sự sống còn của báo chí. Quan điều 2, chế độ kiểm duyệt đã được minh thị bãi bỏ. Chương này được coi là có tính cách tuyên ngôn của qui chế.

Chương II : gồm 15 điều từ điều 3 tới điều 17 : qui định việc xuất bản báo chí qua các điều kiện xin ra báo, thể thức xuất bản và tổ tụng, việc nộp bản, thể thức áp dụng đối với ngoại kiều xin xuất bản.

Chương III : gồm 18 điều, từ điều 18 tới điều 35 ấn định quyền hạn và nghĩa-vụ của báo giới, chế-độ tự do ngôn luận, các hạn chế; lý do của việc tịch thu, đình bản, và tước của hành-pháp và tư-pháp.

Chương IV : gồm 03 điều, từ điều 36 tới điều 38, qui định việc phát hành.

Chương V : cũng gồm 03 điều, từ điều 39 tới điều 41, đề cập tới Hội-đồng báo chí và Hội-Báo chí.

Chương VI : gồm 08 điều, từ điều 41 tới điều 49 qui định những chế-tại hình sự đối với tội phạm báo chí.

Chương VII : Gồm 17 điều, từ điều 50 tới điều 66 ấn định thủ tục truy tố về những vấn-đề thanh phần nhân sự bị qui trách, thẩm quyền và loại của pháp đình, sự phát động công tố quyền, sự bãi nại, sự gia tăng hình phạt cho sự tái phạm, sự song hành của công tố quyền, mức độ hình phạt tối thiểu.

Chương VIII : gồm 3 điều cuối cùng (67, 68, 69) có tính cách thường lệ về lập pháp, qui định những điều khoản tổng quát cho việc áp dụng Luật số 019/69 này.

Phần hình thức của luật này có lẽ không có gì đáng khen ngợi hay chỉ trích; mà ta sẽ đi sâu vào phần nội dung của luật này, đó mới là vấn-đề quan yếu và to lớn hơn, dưới đây.

PHẦN THỨ HAI

Phân tích và phê bình Quy-chế Báo-chức

Vì khuôn khổ giới hạn của luận-văn này, nên thật khó mà có thể phân tích và phê-bình đầy đủ, kỹ lưỡng phần nội dung của Quy-chế Báo-chức này. Để có một khái-niệm rõ rệt về những điểm chính của quy-chế báo chức, tôi xin chia ra làm hai chương dưới đây :

Chương thứ nhất đề cập tới những điều khoản căn bản, tổng quát và thông thường về hình sự

Chương thứ hai trình bày các điều khoản trực tiếp liên quan đến hoạt-dộng và tổ-chức báo chức.

Các chương trên đây sẽ được trình bày theo thứ tự các điều khoản, đối với những điều khoản có tính cách thường lệ, nội dung không có chi đặc biệt, tôi sẽ chỉ chép nguyên văn chứ không phân tích và phê bình.

CHƯƠNG I - Về các điều khoản căn bản, tổng quát và thông thường về hình sự

TRỆT I : Những điều khoản căn bản - Gồm 2 điều đầu tiên:

Điều 1. - "Quyền tự do báo chí là quyền tự do căn bản trong chính-thể Việt-Nam Cộng-Hòa.

Sự hành xử quyền tự do báo chí không được phương hại đến danh dự cá-nhân, an-ninh quốc-gia hay thuần phong mỹ tục.

Báo chí không thể bị đóng cửa nếu không có quyết-dịnh của cơ-quan tư-pháp." Các nhà lập pháp đã long trọng xác nhận, và công nhận quyền tự do báo chí căn cứ theo tinh thần của điều 13 Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 1, 4, 1967.

Quyền tự do báo chí chỉ chịu 3 giới hạn : danh dự cá-nhân, an-ninh quốc-gia và thuần phong mỹ tục. Thiết tưởng nhà lập pháp đã vô ý hay chủ ý không đề cập tới một giới hạn quan trọng và cần thiết khác thứ tư là trật tự công cộng, thường được qui định trong các luật lệ báo chí các quốc-gia khác. Quả vậy, trật tự công cộng khác hẳn với 3 trường hợp trên, ta hãy lưu ý tới trường hợp có những bản nhạc, bài báo ca tụng thành tích bất hảo của bọn côn đồ, trộm cướp thì rõ ràng không gây phương hại đến an-ninh quốc-gia, thuần phong mỹ-tục, danh dự cá-nhân ai cả; song thực sự đã phương hại cho trật tự công cộng của xã-hội.

Nên dù muốn hay không, điều này đã tạo ra một sơ hở khá lớn.

Sau nữa, các nhà làm luật đã nâng cao vai trò của cơ-quan tư-pháp và kể từ nay, hành pháp đã không còn quyền ra lệnh đình bản như khi xưa. Đây là một điều thật tiến bộ, dân chủ và hợp lý. Tuy nhiên, trong thực tế, cơ quan tư-pháp có đủ khả năng đáp ứng sự tin cậy, kỳ công của các nhà làm luật này không thì đó lại là chuyện khác, bởi toàn án phải độc lập vô tư, vững mạnh thì mới có thể xứng đáng trong vai trò hấn định quan trọng này tức là không bị Hành-Pháp áp lực, chi phối ; cũng như bị báo chí ảnh hưởng.

Điều 2. - Chế-độ kiểm duyệt báo chí không được chấp nhận.

Sự thiết tha tích cực với nền tự do báo chí đã làm các nhà lập pháp minh định bãi bỏ chế-độ kiểm duyệt... Suy luận thêm thì ta được biết rằng: như vậy, dù ngay cả trong tình trạng khẩn trương, lâm nguy của quốc-gia thì chế-độ kiểm duyệt cũng không được chấp nhận tái lập.

Điều này có lẽ hơi quá đáng, vì dù sao ta cũng phải công nhận rằng : sự cần thiết của chế-độ kiểm duyệt thật rõ ràng, bất khả chối cãi trong khi quốc-gia lâm vào tình trạng chiến tranh, nội loạn thực sự. Song có lẽ các nhà lập pháp đã khẳng định như vậy, hầu để tránh sự gởn thức rộng rãi về lạm quyền của Hành-Pháp sau này. Dù thế nào đi nữa, các nhà làm luật đã không hề dự liệu trường hợp chiến tranh.

TRẬT 2 : Những điều khoản tổng quát: Gồm 3 điều cuối cùng.

Điều 67 : "các báo chí hiện đang xuất bản được coi như đã xuất bản hợp pháp. Tuy nhiên để điều chỉnh tình trạng, các chủ-nhiệm báo chí này phải nộp thêm một hồ-sơ các văn-kiến như đã qui định ở khoản 1, 2 và 6 điều 4 luật này trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày ban hành luật này.

Quá thời hạn này, báo chí nào không nộp đủ hồ-sơ khai báo nói trên sẽ bị đình bản.

Nếu tiếp tục xuất bản, sẽ bị trừng phạt theo điều 45 luật này".

Ta phải hiểu là "xuất bản hợp pháp" theo qui chế cũ. Tuy nhiên, có 3 trường hợp sau đây có thể xảy ra mà vẫn được coi là hợp pháp:

- báo đã tự ý đình bản trong thời hạn không quá sự ấn-định của luật mới ( 3 tháng),
- báo đã được Bộ Thông-Tin cấp giấy phép mà chưa xuất bản trong hạn 3 tháng,
- báo có giấy phép được trình nộp tới một ngày nhất định, tới ngày này, báo phải xuất bản.

Rút lại, chỉ các báo có giấy phép mất hiệu lực giá trị vào ngày luật này ban hành, mới bị coi là đang ở trong tình trạng xuất bản bất hợp pháp.

Đối với các báo hiện đang xuất bản vào ngày ban hành luật này, hồ-sơ khai báo chỉ có tính cách bổ-túc mà thôi, tuy nhiên nếu không nộp hồ-sơ khai báo, Hành-Pháp có quyền ra lệnh đình bản.

Và luật này cũng không dự liệu giải quyết trường hợp các chủ-nhiệm, chủ bút, quản-lý các tờ báo hiện đang xuất bản hợp pháp vào ngày ban hành luật này lại là các Nghị-Sĩ, Dân-Bí-ến được hưởng quyền đặc-miền tặ-phần (như vậy, trái với tinh thần của điều 6 qui định các điều kiện của chủ-nhiệm, chủ bút, quản-lý).

Điều 68. - "Các luật lệ nào trái với luật này đều bị bãi bỏ, nhất là một điều-khoản liên quan tới báo chí quy định trong các văn-khẩu sau :

- Luật ngày 29.7.1881 về tự do báo chí tại Nam Việt.
- Sắc-lệnh ngày 4.10.1927 về chế-độ báo chí tại Đông-Dương trừ Nam Việt.
- Sắc-lệnh ngày 24.8.1939 về kiểm-soát báo chí.
- Luật ngày 13.12.1941 buộc phải có phép của cơ-quan hành-chính địa phương mới được xuất bản.
- Sắc-luật số 2/64 ngày 19.2.1967 công nhận quyền tự do ngôn luận, quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí.
- Sắc-luật số 10/64 về qui-chế tự do xuất bản báo chí và tổ-chức nền báo chí".

Luật không minh định tuyệt đối bãi bỏ toàn bộ các luật lệ cũ, dù không trái với tinh thần của Luật 019/69. Nên có thể suy luận thêm như sau : "các điều khoản của luật cũ vẫn có thể được viện dẫn và áp dụng miễn là không trái với tinh thần của luật 019/69, trong trường hợp cần bố tức sự-thiếu sót trong luật 019/69.

Điều 69. - "Luật này được đăng vào Công Báo Việt-Nam Cộng Hòa".

Điều khoản này có tính cách thường lệ, không quan trọng.

TRÉT 3 - Những điều khoản thông thường về hình sự :

gồm 25 điều, từ điều 42 tới điều 46 chia ra 2 phần :

Mục 1 - Chế-tạt hình-sự: gồm 8 điều từ điều 42 đến điều 49

- Điều 42 : vi phạm 1 trong các điều 11, 12, 14, 15, 36 và 38 sẽ bị phạt vạ từ nửa ngàn đồng (5.000\$) tới năm mươi ngàn đồng (50.000\$).

Riêng đối với độc giả, hay người bán báo lẻ vi phạm tội muốn báo, và cho muốn báo (điều 38) hình phạt này tỏ ra quá nặng, và mất mề.

- Điều 43 : Vi phạm 1 trong các điều 4, 13, 16, 32 đoạn c, d, e, g và 37 sẽ bị phạt từ sáu (6) ngày tới hai (2) tháng và phạt vạ từ mười ngàn đồng (10.000\$00) tới một trăm ngàn đồng (100.000\$00) hoặc một trong hai hình phạt này.
- Điều 44 : Vi phạm 1 trong các điều 32, đoạn b, 33 đoạn c, d, e, g, 34 và 35 sẽ bị phạt từ 15 (15) ngày tới ba (3) tháng và phạt vạ từ năm mươi ngàn đồng (50.000\$00) tới ba trăm ngàn đồng (300.000\$00) hoặc 1 trong hai hình phạt này.
- Điều 45 : Vi phạm 1 trong các điều 3, 17, 27, 32 đoạn a, 33 đoạn l và điều 67 sẽ bị phạt từ một (1) tới sáu (6) tháng và phạt vạ từ một trăm ngàn đồng (100.000\$00) hoặc một trong hai hình phạt này.
- Điều 46 : Vi phạm điều 28 và 33 đoạn a sẽ bị phạt từ ba (3) tháng tới một (1) năm và phạt vạ từ hai trăm ngàn đồng (200.000\$00) tới một triệu đồng (1.000.000\$00) hay một trong hai hình phạt này.
- Điều 47 : Vi phạm điều 29 sẽ bị phạt tù từ một (1) năm tới năm (5) năm và phạt vạ từ ba trăm ngàn đồng (300.000\$00) tới một triệu năm trăm ngàn đồng (1.500.000\$00).
- Điều 48 : Tòa Án trong trường hợp xác nhận tội trạng kẻ ở điều 28, 29 có thể tuyên bố đình bản có thời hạn hay vĩnh viễn từ báo phạm pháp.
- Điều 49 : Trong trường hợp xác nhận tội phạm định nơi điều 27, 28, 29, 32 đoạn b, 33 đoạn b, Tòa Án có thể truyền tịch thu tiêu hủy tất cả những số báo vi phạm.

Trong trường hợp xác nhận tội phạm định nơi điều 32 đoạn a, b, d, e, g, 33 đoạn a, c, d, e, g. Tòa án tuân theo lời yêu cầu của dân sự nguyên cáo phải truyền đăng toàn văn hoặc phần chủ yếu bản án trên ba tờ báo được phép đăng các bố cáo pháp định. Các bị cáo liên đới chịu lệ phí của sự đăng tải này.

Nói chung, qua các tội phạm và hình phạt trên đây, ta thấy rằng so với các luật lệ cũ, luật 019/69 đã tỏ ra khắt khe, nặng nề, đầy đủ hơn về khía cạnh trừng trị, hậu kềm; nhưng lại tỏ ra dân-chủ, tiến bộ khi đã dành vai trò quan trọng cho tòa án khi thực hiện những chế tài này, và nhất là trước kia Bộ Thông-Tin, Bộ Nội-Vụ có quyền ra lệnh

Lục 2 : Thủ tục truy tố : gồm 17 điều, từ điều 50 tới điều 66

như sau :

Điều 50. - "Để áp dụng những hình phạt dự liệu trong luật này, sẽ bị truy tố như chính phạm theo thứ tự sau đây :

1. Chủ-nhiệm hay quản-lý
2. Chủ-bút hoặc tác-giả nếu không truy ra được cáo người kể trên.
3. Chủ nhà xuất bản, chủ nhà in nếu không truy ra được các người kể trên.
4. Những người bán báo, phân phát báo nếu không truy ra được các người kể trên.

Các người bị tuyên phạt sẽ liên đới chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tinh thần và vật chất".

Khác với các luật lệ cũ ; luật này đã mở rộng việc ấn-định những thành phần bị quí trách.

Riêng về các người bán báo lẻ, phân phát báo nếu bị khép tội chính phạm thì quả là điều này đáng đé nghị, vì họ thường kém hiểu



b+ật, ý thức về nội dung tờ báo, họ chỉ chú trọng tới khía cạnh thương mại. Có lẽ nhà làm luật đã cố tình qui định điều luật khắc khe này để lưu ý, cảnh cáo các kẻ l+âu hệ gần xa với báo chí, cũng như để ngăn chặn sự tr+ấn né luật pháp.

- Điều 51. - "Nếu chủ-nh+ệm, quản-lý hay chủ bút bị truy tố, tác-g+ã cũng sẽ bị truy tố là tòng phạm. Hình phạt áp dụng cho tòng phạm là hình phạt t+ên l+âu cho chính phạm".

- Điều 52. - "Việc xét xử các v+ phạm luật lệ báo chí thuộc thẩm quyền Tòa t+ầu-bình, ngoại trừ trường hợp trọng tội".

Luật đã không dự l+âu phân b+ật thế nào là trọng tội và thế nào là tội t+ầu hình đối với các vi v+ phạm báo chí. Có lẽ khi áp dụng, các thẩm phán sẽ suy d+ẫn, căn cứ vào mức độ hình phạt, vào bản chất của tội phạm, cũng như đối ch+ếu vào bộ h+ình-luật mới có thể phân b+ật được tội hình và tội t+ầu hình của báo chí.

- Điều 53. - "Tòa án có thẩm quyền là Tòa án nơi xuất bản tờ báo".

Này là một điều khoản hợp lý và t+ếu bộ. Trước kia, theo luật thì Tòa án có thẩm quyền có thể là nơi báo được bán ra. Điều này đã g+ất tốn kém phần phức, khó khăn cho báo chí. Từ nay Tòa án có thẩm quyền là nơi xuất bản tờ báo, điều này thật t+ien lợi cho nhà báo.

- Điều 54. - "Công tố viên phát động quyền công tố đối với mọi tội phạm báo chí, ngoại trừ :

1. Trường hợp một cơ-quan công quyền hay doãn-thể công lập bị ph+ỉ báng hoặc mạ ly ph+ỉ cố đơn khiếu tố của người d+iều khiển cơ-quan.
2. Trường hợp một nhân-v+ien công quyền bị ph+ỉ báng hay mạ ly về hành động l+âu quan đến chức vụ ph+ỉ cố đơn khiếu tố của đương-sự hay của Tổng Trưởng bộ sở quan.

3. Trường hợp Quốc-Trưởng hay đại-dại các quốc-gia có liên hệ ngoại-giao với Việt-Nam Cộng-Hòa bị phỉ báng hay mạ ly phải có lời yêu cầu truy-tố của những vị kể trên gửi đến Tổng Trưởng Ngoại-Giao và chuyển qua Tổng Trưởng Tư-Pháp.

4. Trường hợp một đại-dại dân cư bị phỉ báng hay mạ ly phải có đơn khiếu-tố của đương-sự.

5. Trường hợp một tư-nhân bị phỉ báng hay mạ ly phải có đơn khiếu-tố của người bị phỉ báng hay mạ ly. Nhưng Công-Tổ Việt-Nam sẽ phát-động quyền công-tố nếu sự phỉ báng hay mạ ly nhằm một nhóm tư-nhân thuộc một tôn-giáo địa-phương hay sắc-tộc và có mục-đích gây chia rẽ hận thù.

Điều này đã bị vi-phạm thường dân đối với các nhân vật, giới chức nắm giữ công-quyền, đại-dại dân, và đại-dại quốc-gia.

Tuy nhiên, Công-tổ quyền khi phát-động vẫn gặp trở ngại khi có sự vi-phạm điều này của một tờ báo đang xuất bản hợp lệ vào ngày mai hành luật, lại có chủ-nhiệm, chủ-bút, quản-lý hoặc một trong ba người là Nghị-sĩ hay Dân-biểu được hưởng quyền đặc-niệm tài-phần, nên Công-tổ quyền khó có thể phát-động trực-tiếp đối với cá-nhân các vị này. Có lẽ trong trường hợp, tòa án phải đợi sự chấp-thuận của Quốc-Hội mới được quyền truy-tố.

- Điều 55. - "Trong khởi-tố trọng, Công-tổ Việt-Nam phải liệt kê và định tội danh các sự kiện nhân đó mà có sự truy-tố cùng viện dẫn điều luật áp dụng, nếu không khởi-tố trọng sẽ vô hiệu".

- Điều 56. - "Nếu là trực-tố trọng hoàn-trọng, ngoài những chi-kể ở điều 55, còn phải ghi rõ nơi tuyên-trạch-trụ-sở của người nguyên cáo tại quân-hạt của Tòa-án có thẩm-quyền xét-xử vụ kiện. Vi-phạm điều luật này, sự truy-tố sẽ vô hiệu".

- Điều 57. - "Trục tố trình quản trọng phải được tổng dặt cho bị cán cùng Công Tổ Viện. Thời hạn giữa ngày tổng dặt truyền phải và ngày ra Tòa là 20 ngày tròn. Tuy nhien, gặp trường hợp phải bằng hay mạ lý ứng cử vấn một chức vụ dân cử, thì trong thời giảm tranh cử, thời hạn nổi trên là 48 tiếng đồng hồ, và các điều 59, 60 không áp dụng. Nội Vụ phải được Tòa án truyền xử trong thời hạn 2 ngày tròn sau khí nhận được đơn khẩn tố".

Thủ tục xét xử mạ lệ này được quy định nhằm mục đích làm sánh thở các vụ kiện để kịp thời phục hồi danh dự và uy tín của ứng cử vấn đối vớ công luận.

- Điều 58. - "Bị cán không thể bị giảm cử ngoại trừ trường hợp vì phạm các điều 27, 28, 39, luật này".

Điều này dễ tạo nguy hiểm cho nhà báo, vì họ rất vô ý mắc phải điều này, nhất là được áp dụng do kết quả của việc nhận định và giải thích rộng rãi, chuyên quyền của Hành-pháp.

- Điều 59. - "Muốn dẫn chứng các sự thật về các vụ kiện phải bằng theo điều 31 luật này, bị cán trong thời hạn mười (10) ngày sau khí nhận được trất dỡ ra Tòa phải thông trả cho Công Tổ Viện và nguyên cáo:"

1. Các sự kiện đã bị trách cứ là có tính chất phải bằng mà bị cán muốn chứng minh.
2. Bản sao các văn-kiện đệ nạp tại Tòa.
3. Tên họ, nghề nghiệp, địa chỉ của các nhân chứng mà bị cán muốn nạp dẫn.

Trong bản thông-trả kể trên, bị cán ghé chú sở tuyên trách bên cạnh tòa án có thẩm quyền xét xử vụ kiện, nếu không sẽ mất quyền dẫn chứng.

- Điều 60. - "Năm (5) ngày sau khi được thông báo như trên, và trong mọi trường hợp, ít nhất ba (3) ngày trước ngày nộp vụ được đăng đường, nguyên cáo hay Công Tố Viện tùy theo trường hợp phải thông tri cho bị can, nơi trụ sở đương-sự tuyên trách bản sao các văn kiện đệ nạp tại tòa và tên họ, nghề nghiệp, địa chỉ các nhân chứng, theo đó nguyên cáo hay Công Tố Viện muốn đưa bằng chứng tương phản, nếu không sẽ bị mất quyền phản chứng".

- Điều 61. - "Nếu xét thấy sự hiện diện của một hay nhiều nhân chứng do đó bên nguyên, bị nạn dân có phương hại đến trật tự công cộng hay thuần phong mỹ tục, Công Tố Viện có quyền ngăn cấm sự tổng quát trật đòi các đương-sự đó ra tòa. Tuy nhiên, Chánh Thẩm tra lý nội vụ có quyền thuận lệnh ngăn cấm này của Bên-Lý".

- Điều 62. - "Đối với tất cả tội phỉ báng hay mạ lỵ, sự bất nại của nguyên cáo có hiệu lực hủy bỏ sự truy tố. Sự bất nại này có thể được chấp nhận trong một giai đoạn thủ tục và ngay cả trước Tối Cao Pháp Viện".

Điều này trái với nguyên-tắc căn bản của hình-luật (Công Tố Quyền khi đã phát động thì không được quyền đình chỉ) tuy nhiên điều này có tính cách thật mới mẻ, tiến bộ và hợp lý.

- Điều 63. - Sự gia tăng hình phạt và tái phạm không áp dụng cho các vi phạm qui định trong luật này. Tuy nhiên, điều khoản này không áp dụng nếu có sự tái phạm quá 2 lần trong một (1) năm.

- Điều 64. - "Công Tố quyền và dân-tố quyền liên quan đến khinh-nhĩa tội qui định trong luật này sẽ bị tiêu diệt sau ba (3) tháng tròn kể từ ngày phạm pháp, hay kể từ ngày thi hành thủ tục truy tố cuối cùng nếu có".

So với đầu luật, hạn thời tiêu này tỏ ra dễ dãi, ngắn hơn nhiều.

Điều 65. - "Đan tố quyền không được hành xử riêng biệt với Công  
Tổ Quyền trừ trường hợp bị can đã nhận một hay được đại xá".

Điều này có thể gây bất công, vì có thể tội phạm không thể bị  
quá trách về mặt hình, nhưng lại có thể bị chỉ trách về mặt họ.

Điều 66. - "Điều 463 Hình-Luật Canh Canh và điều 415 Hoàng Việt Hình Luật  
được áp dụng cho mọi trường hợp qui định trong luật này. Tuy nhiên,  
mỗi khi có trường hợp giảm khinh thì hình phạt tuyền pháp  
không thể nào nhẹ hơn một nửa hình phạt tối thiểu dự định".

Qua điều khoản này, người ta thấy rõ tính cách trừng trị của  
Luật 019/69 ấn-dịnh qui-chế báo chí.

Nói chung, các thủ tục truy tố trên đây đã tỏ ra có nhiều lỗi  
đảm cho báo giới Việt-Nam... Người ta cũng dự trù trường hợp ngăn chặn  
sự lạm quyền của bên lý, vì nếu không, Bên-Lý có thể chịu áp lực của  
Hành-Pháp, hoặc không khách quan sống suốt trong việc ngăn chặn sự tiến  
hành thủ tục vụ án bằng cách ngăn cản sự tổng đạt tất đợc các nhân  
chứng ra tồn căn cứ trên tiêu chuẩn trật tự công cộng, uy tín,  
Chính-phủ, danh dự quốc-gia v.v..

Hơn nữa, đối với thẩm phán, thật khó khăn trong việc định danh  
và xét xử các tội phạm báo chí, vì như ta đã biết, các tội phạm báo  
chí, vì như ta đã biết, các tội phạm báo chí không có tính cách trực  
tiếp, cụ thể như các tội phạm khác. Thí dụ: thật khó phân biệt một  
bài báo nguy hại, thân Công-sản, và một bài báo bày tỏ nguyện vọng hòa  
bình châu chính, xây dựng. Sự thiệt hại do phỉ báng hay  
mạ ly không thể nào rõ ràng, chính xác bằng các thiệt hại nhân thân  
do sự bạo hành gây ra.

Kinh nghiệm và kiến thức luật học của thẩm phán có ảnh hưởng  
được cho sự công minh vô tư, chính xác của bản án không, đối với các  
vụ vi phạm luật lệ báo chí. Ngoài ra, tòa phật án hầu như thực trạng

trạng báo chí; thông cảm báo chí nữa... Tuy Pháp, để tránh tình trạng bị chỉ trích là thiếu khách quan, hợp lý cho các tội phạm báo chí; có Hội đồng xét Hình đặc thẩm được thiết lập với sự tham dự của Phụ Thám nhân dân.

CHƯƠNG XI

Những điều khoản trực tiếp liên quan  
tới hoạt động và tổ chức báo chí

TRẬT I - Chế độ xuất bản và phát hành

Mục I. - Chế độ xuất bản : gồm 15 điều từ điều 3 đến điều 17, như sau :

- Điều 3. - "Thế nhân hoặc pháp nhân có quốc tịch Việt-Nam đều có quyền xuất bản báo chí sau khi đã khai báo hợp lệ tại Bộ Thông-Tin. Mọi sự xuất bản báo chí mà không khai báo đều bị trừng phạt. Danh-từ báo chí dùng trong luật này bao gồm mọi nhật báo, hay tạp chí có định kỳ".

Sự tự do xuất bản đã được công nhận. Chế độ giấy phép đã đương nhiên hủy bỏ, sự tự do xuất bản chỉ chịu một hạn chế duy nhất là phải khai báo tại Bộ Thông-Tin mà thôi.

Sau nữa là kẻ tà uy, không chỉ riêng các chính đảng mới có quyền tự do ra báo, mà các pháp nhân khác cũng được quyền này.

Suy luận ra, ta thấy có 3 trường hợp xuất bản sau đây được coi là bất hợp lệ

- Văn ra báo mà không nộp hồ-sơ khai báo
- Văn ra báo mà bị từ chối cấp biên sau khi nộp hồ-sơ khai báo.
- Văn ra báo mà khi khếu nại quyết định từ chối cấp biên lại của Bộ.

Bộ Thông tin lại bị Thanh-Chính-Viện (nay là Tối Cao Pháp-Viện) báo bỏ. Danh-từ báo chí lại có ý nghĩa khá bao quát và rộng rãi, sẽ mở rộng hàng ngũ, thành phần làng báo Việt-Nam gồm nhật báo, tuần báo, nguyệt san, bán nguyệt san.

Điều 4. - Hồ-sơ khai báo gồm có :

1. Một tờ khai lập thành 3 bản có chữ ký của chủ-nhiệm được thi thực và ghi rõ :
  - tên nhật báo hay tạp chí
  - tôn chỉ, đường lối và chủ trương
  - danh tánh, bút hiệu, địa chỉ của chủ-nhiệm, chủ bút và quản-lý.
2. Chứng chỉ cư trú của chủ-nhiệm, chủ bút và quản-lý
3. Giấy khai sinh của chủ-nhiệm, chủ bút và quản-lý
4. Giấy tờ liên quan tới văn bằng hoặc thâm niên chức nghiệp về báo chí của chủ-nhiệm hay chủ bút.
5. Trích lục tư-pháp lý-lịch số 2 không quá 3 tháng của chủ-nhiệm, chủ bút và quản-lý.
6. Bản sao kê-ước hùn vốn để xuất bản tờ báo nếu có.

Mọi sự gian dối hay nguy tạo giấy tờ nói trên sẽ bị trừng phạt theo điều 43 luật này, ngoài ra còn có thể bị truy tố và trừng trị về tội phạm trọng khác nếu có".

Qua điều này, ở đoạn 4, ta thấy rằng : kể từ nay, chủ-tịch và tổng thư-ký chính đảng và các hội có tư cách pháp nhân khác đều không có quyền làm chủ-nhiệm, chủ bút nếu không có giấy tờ liên quan tới văn bằng hay thâm niên chức nghiệp về báo chí.

Suy từ đoạn 5, ta thấy rằng : tư nhân không thể nào dễ dàng xin được giấy tư-pháp lý lịch số 2 nếu không có sự giới thiệu của cơ-quan công quyền khiến có-nhân chủ-nhiệm và chủ bút mặc-nhiệm không còn

hoàn toàn quyền tự do tự thân, luật định sau khi đã có giấy này.

Qua đoạn 5, nhà làm luật đã muốn dành cho Chính-quyền sự nắm vững nguồn gốc tài-chính của tờ báo bán; ngoài ra thâm ý của nhà làm luật là muốn ngăn chặn việc tiến tới độc quyền xuất bản do sự thao túng bằng tiền bạc của bọn tài phật, song nhà làm luật lại không quy định giới hạn. Và hơn nữa, bản sao khế-uớc kèm với này lại chỉ có tính cách thông báo mà thôi, và chắc chắn ít có hồ sơ khai báo lại có bản sao khế-uớc vì nhà báo thường muốn duy trì tình trạng tài-chính của mình.

Về hình phạt, luật số 019/69 đã tỏ ra mới mẻ và nặng nề hơn luật lệ cũ : Sắc-luật 10/64 ngày 30.10.1964 chỉ qui định phạt tiền trong trường hợp khai báo gian dối hay nguy tạo giấy tờ.

Thực ra, thể thức khai báo này sở dĩ có tính cách khá phức tạp có lẽ là vì nhà làm luật này đã cố tình làm nản lòng, gây khó khăn cho những kẻ không thiết tha yêu nghề làm báo.

- Điều 5. - "Mỗi nhật báo hay tạp chí xuất bản định kỳ phải có một chủ-nhiệm, một chủ bút, một quản-lý".

- Điều 6. - "Chủ-nhiệm, chủ bút, quản-lý phải hội đủ các điều kiện sau đây :

- có quốc-tịch Việt-Nam
- có ít nhất 25 tuổi tính đến ngày nộp hồ-sơ khai báo
- không có tiền án về tội đạo hình, hay t-ếu hình từ ba (3) tháng trở lên, không kể các tội sơ xuất
- bất cần vụ các tội phạm báo chí trừ các tội như đã dự lệ tại điều 27, 28 và 29.
- Không có hành vi nhằm mục đích tuyên truyền hay thực hiện chủ nghĩa Cộng-sản.



- Chủ-nh-ệm, chủ bút, quản-lý một trong ba người này không được hưởng quyền đặc-miền tài phán.

Người chủ-nh-ệm, chủ bút phải có một văn-bằng báo chí, hoặc có văn-bằng đại-học hoặc đã làm thủ-ký tòa soạn trong thời gian tổng cộng trên một năm, hay đã làm ký giả trên 2 năm tại một hay nhiều cơ-quan báo chí, hoặc tấn hay đã phát-thành hoạt-động hợp pháp ở Việt-Nam hoặc đã làm chủ-nh-ệm, chủ bút trên sáu (6) tháng.

Qua điều 6 trên đây, ta thấy rằng nhà lập pháp đã không dự liệu trường hợp một người kêu vì muốn ra báo đã xin nhập Việt tịch.

Sau nữa, luật này đã tỏ ra tôn trọng quyền sống của kẻ làm báo khi quyết định không kể trường hợp có tiền án về tội phạm báo chí ngoài các tội tại điều 27, 28 và 29. Hậu quả là sau một vụ án báo chí, một kẻ bị tuyên phạt không phải vì tội phạm ở điều 27, 28, 29, sẽ được quyền nộp hồ-sơ khai báo xin ra báo sau này.

Tuy vậy, luật này đã tỏ ra sơ hở khi không minh định rõ ràng thế nào là "hành vi nhằm mục đích tuyên truyền hay thực hiện chủ nghĩa Cộng-Sản", và đã vô tình tạo ra một cơ hội cho hành-pháp can thiệp hãm hiệu vào quyền tự do báo chí, bởi vì như ta đã biết: chỉ cần căn cứ vào hồ-sơ kín, phức tạp mật (mà giá trị những văn-khẩu này không được xác tín và bảo đảm cho lắm) của Cảnh-Sát Cuộc, cơ quan an-nhình tình báo, là một người nào đó có thể dễ dàng bị coi là đã có hành vi nhằm mục đích tuyên truyền hay thực hiện chủ nghĩa Cộng-sản ... mà do đó, sau này Bộ Thông-Tin có quyền dựa trên lý do đương-sự đã có hành vi này để từ chối cấp biên lai chính thức.

Luật đã không dự liệu trường hợp các tờ báo xuất bản hợp lệ vào ngày ban hành Luật 019/69, có chủ-nhiệm, chủ bút là các dân-biểu, nghĩ-sĩ (nhật báo Công-Luận của Nghĩ-sĩ Tôn Thất <sup>Đinh</sup>, nhật-báo Tân Sáng của Dân-biểu Ngô Công Đức, tuần báo ~~Đạt~~ <sup>Dân tộc</sup> của dân biểu Dương Văn Ba v.v..). Có lẽ sau này, để điều chỉnh tình trạng, Bộ Thông-Tin có sáng kiến yêu cầu Tòa báo thay đổi. Luật của Pháp ngày 25.5.1952 đã dự liệu giải quyết trường hợp này bằng cách: các chủ-nhiệm, chủ bút được hưởng quyền đặc-miền tại pháp sẽ cử một người đồng chủ-nhiệm hay đồng chủ bút hội đủ điều kiện của chức vụ, và sẽ chịu trách nhiệm thay thế.

Việc không cho chủ-nhiệm, chủ bút có quyền đặc-miền tại pháp nhằm mục đích tránh khó khăn cho cơ-quan tư-pháp khi phải truy tố.

Việc đồng hóa giá trị của văn bằng báo chí hoặc văn-bằng đại-học với thời gian thêm vào chức nghiệp báo chí nói trên đã dựa trên căn bản so sánh thiếu chính xác. Theo thẩm ý tốt, kiến thức, kinh nghiệm làm báo trong các khoảng thời gian ngắn ngủi nói trên chỉ có thể sánh ngang với căn bản học vấn của bậc trung học toàn phần, chứ khó có thể đặt ngang với căn bản đại-học. Sự đồng hóa này dẫn vô tình hạ thấp giá trị của văn-bằng đại-học, vì trên thực tế có hầu hết các người làm báo với tư cách ký giả hay tư cách chủ bút, chủ-nhiệm, thoạt tiên toàn soạn (nhất là trước ngày ban hành Luật 019/69) chỉ có trình độ học lực Tiểu-học; ý thức chính-trị, căn bản văn hóa còn quá kém cỏi; đó là chưa kể trường hợp họ chỉ được khuyến, viết lách trên những tờ báo "lá chổi",

Song thực ra số tiền ký quỹ bắt buộc và sự trừng trị này tỏ ra thiếu hiệu nghiệm đối với những tên tài phiệt giàu sù, những chính đảng lớn lao trong tư nhân độc quyền hay thao túng phát hành.

- Điều 38. - "Loại hình thức cho nước báo đều bị cấm chế. Người cho nước cũng như người mua báo đều bị trừng phạt theo điều 42 luật này".

Điều này bị dị nghị có tầm cách mà nhà báo hôm là hiệu lực thực tế. Hơn nữa, trên nguyên-tắc lại xâm phạm quyền tự do tư hữu. Đây là vấn-đề quyền lợi của báo giới nêu để cho báo giới tự lo lấy... các nhà làm luật không cần phải quí tình điều này. Ngoài ra, các nhà phát hành, hay người bán báo, nếu cho nước báo sẽ bị hình-luật trừng trị về tội bộ-tấn, lường gạt vì đã không thi hành đúng lời giao ước đối với chủ báo.

Về chế-độ phát hành, ta đã thấy luật đã sơ hở vì đã không dự liệu ngăn chặn việc thao túng độc quyền phát hành bằng những giới hạn, bó buộc chặt chẽ và có hiệu lực. Đây là vấn-đề huyết mạch cho sự sống còn của một tờ báo nói riêng và làng báo nói chung. Báo chí sẽ tê liệt, tắt thở ngay tức khắc nếu có xuất bản mà lại không được phát hành, đem bán. Luật 019/69 đã tỏ ra thiếu sót về chế-độ phát hành.

#### TRÉT HAI : quyền hạn và trách vụ của báo chí

Trong phần này, ta phải đề cập tới chế-độ ngôn luận thể hiện qua quyền tự do của những người cầm bút, làm báo; Các giới hạn, trách nhiệm và cụ thể của việc hành xử quyền tự do báo chí;

cách thức thực hiện công quyền với sự vi phạm các giới hạn này. Và sau cùng ta phải nói đến các tổ-chức phát biểu tiếng nói tập thể của lòng báo, và ta sẽ lần lượt đi vào các phần dưới đây :

Đức I. - Quyền hạn và trách vụ của báo chí : được quy định trong 18 điều, từ điều 18 tới điều 35.

- Điều 18. - "Báo chí không thể bị đình bản có thời hạn hay vĩnh viễn, nên không có quyết-định của cơ-quan tư-pháp".

Luật này đã minh định độc quyền quyết định sự sống còn của tờ báo trong tay các vị thẩm-phán, chứ không do cơ-quan hành-pháp như trước kia.

- Điều 19. - Để bảo vệ an-ninh quốc-gia, trật tự công cộng và thuần phong mỹ tục, Tổng Trưởng Nội Vụ đối với Báo chí xuất bản tại Saigon Gia-Định, Thị-Trưởng đối với báo chí xuất bản tại địa phương liên hệ, có thể ra lệnh tịch thu một mặt báo hay tạp chí trước khi lưu hành hay trong khi lưu hành.

Tuy nhiên, chậm nhất là 8 ngày sau khi tịch thu, các nhà chức trách đã ra lệnh tịch thu phải khởi tố trước Tòa án Bình sự có thẩm quyền.

Trong khi chờ Tòa án phán quyết, chủ-nhận mặt báo hay tạp-chí bị tịch thu vẫn có quyền tiếp tục xuất bản báo của mình".

Đây là một cơ hội thuận tiện, với phạm vi áp dụng rộng rãi của giới hạn trách hành-pháp được thực hiện việc kiểm-soát, xâm phạm quyền tự do ngôn luận và báo chí. Quả vậy, với tiêu chuẩn an-ninh quốc-gia, trật tự công cộng và thuần phong mỹ tục, hành-pháp được chuyển quyền giới trách rộng rãi, thuận lợi cho

quan đ<sup>ể</sup> đến Ch<sup>ế</sup>nh-Quy<sup>ền</sup>, để rõ <sup>rệt</sup> v<sup>ấn</sup> đ<sup>ề</sup>u theo <sup>theo</sup> t<sup>h</sup> hành v<sup>iệc</sup> t<sup>ịch</sup> th<sup>âu</sup> báo chí. T<sup>ại</sup> các qu<sup>ốc</sup>-g<sup>ia</sup> Âu L<sup>ỹ</sup> tự do, sự t<sup>ịch</sup> th<sup>âu</sup> báo chí dựa trên lý do thật và rõ ràng : kh<sup>ả</sup> t<sup>ết</sup> lộ bí mật qu<sup>ốc</sup> phòng, xâm phạm an-n<sup>inh</sup> qu<sup>ốc</sup>-g<sup>ia</sup>. Tóm lại, 3 t<sup>ừ</sup>u ch<sup>u</sup>u trên có t<sup>ính</sup> cách mơ hồ, co d<sup>ãn</sup>, tùy thuộc quan đ<sup>ể</sup> ch<sup>ế</sup>nh-Quy<sup>ền</sup> nêu đ<sup>ã</sup> xảy ra vô do<sup>án</sup>, bất công, t<sup>ê</sup> hạ <sup>thấp</sup> kh<sup>ả</sup> ch<sup>ế</sup>nh quyền lại quyền t<sup>ịch</sup> thu b<sup>ản</sup> b<sup>ản</sup>. Sự trạng này còn gây t<sup>ai</sup> hạ <sup>thấp</sup> cho quyền lợi của báo g<sup>ia</sup>o. Tuy nhiên, vì đ<sup>ã</sup> hình dung trước được sự t<sup>ai</sup> hạ <sup>thấp</sup> này, nên nhà làm luật đ<sup>ã</sup> dự l<sup>ệ</sup>u trường hợp ngẫu chặn bằng cách buộc nhà chức trách đ<sup>ã</sup> t<sup>ịch</sup> th<sup>âu</sup> báo phải khởi tố trước Tòa hình có thẩm quyền trong hạn 8 ngày. Điều này chỉ có tác dụng ngăn chặn, lưu ý phần nào với Nhân-Pháp mà thôi, bởi vì không có chế t<sup>ai</sup> dự l<sup>ệ</sup>u áp dụng trong v<sup>iệc</sup> t<sup>ịch</sup> th<sup>âu</sup> báo chí b<sup>ản</sup> b<sup>ản</sup>, bất công cả.

- Điều 20. - Trong trường hợp dự l<sup>ệ</sup>u n<sup>ội</sup> đ<sup>ều</sup> 19 trên đây, nếu được tòa án tòa b<sup>ản</sup>g, chủ-nh<sup>ệ</sup>u nhật báo hay tạp-ch<sup>í</sup> bị truy tố có thể, ngay t<sup>ại</sup> phiên Tòa ấy, phải tố đ<sup>òi</sup> bồi thường t<sup>ết</sup> hạ <sup>thấp</sup>. Bồi khoản phải tương xứng với số t<sup>ết</sup> hạ <sup>thấp</sup>, và sẽ do công quỹ g<sup>ia</sup>nh ch<sup>ịu</sup>".

Điều này cũng t<sup>ại</sup> chỉ có t<sup>ính</sup> cách nh<sup>ấn</sup> mạnh v<sup>iệc</sup> nhắc nhở, lưu ý không nên t<sup>ịch</sup> th<sup>âu</sup> báo chí b<sup>ản</sup> b<sup>ản</sup>, không lý do, hoặc t<sup>ai</sup> lý do n<sup>h</sup>ình ch<sup>àng</sup> tội phạm kh<sup>ả</sup> truy tố t<sup>ại</sup> tòa .. chứ không có hiệu lực mạnh mẽ, t<sup>ác</sup> sự.

- Điều 21. - Báo chí được tự do thông tin và n<sup>gh</sup>ị luận n<sup>h</sup>ên lên sự hành xử các quyền này không ph<sup>ương</sup> hạn t<sup>ai</sup> đ<sup>ịa</sup> dư có n<sup>h</sup>ên, an n<sup>inh</sup> qu<sup>ốc</sup>-g<sup>ia</sup> hay thẩm phán n<sup>h</sup>ệ tục".

quan điểm Chính-quyền, để rõ vận dấn theo đó hành việc tịch thu báo chí. Tại các quốc gia Âu Mỹ tự do, sự tịch thu báo chí dựa trên lý do thật và rõ ràng : khi tiết lộ bí mật quốc phòng, xâm phạm an ninh quốc gia. Tóm lại, 3 tiêu chuẩn trên có tính cách mở hồ, co dãn, tùy thuộc quan điểm chính-quyền lúc xảy ra vấn đề, bất công, tệ hại khi chính quyền lạm quyền tịch thu báo chí. Sự trưng bày còn gây tai hại cho quyền lợi của báo giới. Tuy nhiên, vì đã hình dung trước được sự tai hại này, nên nhà làm luật đã dự liệu trường hợp khẩn cấp bằng cách buộc nhà chức trách đã tịch thu báo chí phải khởi tố trước Tòa hình có thẩm quyền trong hạn 8 ngày. Điều này chỉ có tác dụng ngăn chặn, lưu ý phần nào đối với Hành-Pháp mà thôi, bởi vì không có chế tài dự liệu áp dụng trong việc tịch thu báo chí bừa bãi, bất công cả.

- Điều 20. - Trong trường hợp dự liệu nói điều 19 trên đây, nếu được tòa án tòa bồng, chủ-nhiệm nhật báo hay tạp-chí bị truy tố có thể, ngay tại phiên Tòa ấy, phải tố đòi bồi thường thiệt hại. Bồi khoản phải tương xứng với số thiệt hại, và sẽ do công quỹ gánh chịu".

Điều này cũng lại chỉ có tính cách nhấn mạnh việc nhắc nhở, lưu ý không nên tịch thu báo chí bừa bãi, không lý do, hoặc thấy lý do hình chúng tội phạm khi truy tố tại tòa .. chứ không có hiệu lực mạnh mẽ, thực sự.

- Điều 21. - Báo chí được tự do thông tin và nghị luận miễn là sự hành xử các quyền này không phương hại tới danh dự cá nhân, an ninh quốc gia hay thuần phong mỹ tục".

Điều này có tính cách khác biệt điều 1 của luật này, và điều 12 Hiến-Pháp V.N.C.H. ngày 01.4.1967. Suy điều điều này, ta thấy rằng tự do thông-tin và ngoại-luận phải có tính cách xây dựng thể hiện qua 2 đối tượng, xây dựng con người và xây dựng xã-hội... Về 3 giới hạn này, báo giới thường đưa ra và các giới tách, suy điều như sau, trái ngược hẳn với sự giới tách, suy luận của công quyền.

- Điều 22. - "Báo chí được quyền bị một giới hạn nguồn tin tức".

Đây là một điều mới mẻ, trước đó đáng khen ngợi.

- Điều 23. - "Báo chí không thể bị truy tố khi tường thuật hay đưa tin trung thực và ngay tình :

- Các cuộc thảo luận công khai tại điều dân quốc-lộ hay trong các Ủy-Ban quốc-lộ.
- Các lời tuyên bố về quan điểm chính-trị của dân-biểu hay nghị-sĩ.
- Các bài tâm luận, thuyết trình hay phúc trình đã được đọc trong các phiên họp công khai của quốc-lộ, hoặc hội văn-kịch không có tính cách mật hoặc kín do quốc-lộ chính thức phổ biến".

Thực ra, "trung thực" và "ngay tình" xét kỹ thấy không khác nhau lắm. "Trung thực" được hiểu là loan tin đúng sự thật, không bị nắn đặt thêm bớt, không phóng đại sự thật, không vì chịu áp lực, và sự đứng tại trên mặt báo phải tương xứng với tầm quan trọng của tin tức. "Ngay tình" được hiểu là khách quan qua việc không dùng những lời lẽ, danh-từ nhằm tạo ấn tượng xấu nơi độc-giả, không đưa ý kiến chủ quan thiên lệch vào tin tức.

- Điều 24. - "Báo chí có quyền phê bình, chỉ trích chính-sách kế-hoạch của Chính-quyền nếu làm không thêm mục đích tuyên truyền cho cộng-sản hay trung-lập thân Cộng sản".

Điều chuẩn này thật khó phân biệt, xác định có tính cách cơ bản.

- Điều 25. - "Báo chí không thể bị truy tố nếu trích dịch những số nhật báo và tạp chí ngoại quốc đã được phép lưu hành tại Việt-Nam nếu là trích dịch trung thực và ngay tình".

Điều này đã bỏ sót việc trình định thêm về cơ-quan thông tin và đề phát thanh ngoại quốc. Có lẽ các cơ quan này cũng được cấp nhận. Tuy nhiên, luật này đã không đề cập tới trường hợp trích dịch trung thực ngay tình, tờ báo ngoại quốc đã được phép lưu hành tại Việt-Nam, những bài có nội dung bất lợi cho Chính-quốc, xấu xa cho Chính-quyền. Bởi vì trong trường hợp này, báo chí có thể bị xử trách và trừng trị theo điều 27, 28 và 29, như vậy lại ngược lại với mục đích lợi ích thân của điều 25 trên đây.

- Điều 26. - "Thế nhân hay pháp nhân bị nêu đích danh hay bị ám chỉ một cách không thể lẫn lộn với người khác trong bài báo có quyền buộc chủ nhân phải đăng trên phố bài trả lời hoặc bài đính chính của mình trên báo đó. Chủ-nhiệm nhật báo phải đăng một trên ba số báo phát hành sớm nhất kể từ ngày nhận được bài đó. Riêng đối với tạp chí, sự đăng trả phải thực hiện trên một trong hai số báo xuất bản sớm nhất, kể từ ngày nhận được bài trả lời hoặc bài đính chính. Bài trả lời hay bài đính chính phải được đăng nguyên văn cùng cột



hoặc cũng những cột, cũng những cỡ chữ, tại trung ấn đăng báo trước, nhằm không được đặt quá hai (2) lần báo trước tính theo số chữ. Nếu sự đăng tải không được thực hiện đúng thời hạn hoặc không đúng những thể thức nói trên, chủ nhiệm sẽ bị phạt vạ từ 5.000đ/ không kể việc bồi thường thiệt hại cho dân sự nguyên cáo. Nếu từ chỗ đăng bài trả lời hoặc bài đính chính, chủ nhiệm sẽ bị phạt tù từ 6 ngày tới 3 tháng, và phạt vạ từ 10.000đ tới 100.000đ hoặc một trong hai hình phạt đó, không kể việc bồi thường thiệt hại cho dân sự nguyên cáo. Tòa án phải tuyên xử đơn khiếu tố trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn. Ngoài hình phạt về bồi thường thiệt hại, bản án sẽ truyền chủ nhiệm phải đăng bài trả lời hay đính chính. Bản án được thi hành tạm trên nguyên bốn đối với việc truyền chủ-nhiệm phải đăng mặc dù kháng tố hay kháng cáo. Trong thời kỳ tuyên xử, thời hạn dự liệu ở đoạn 2 điều này, giảm xuống còn 24 giờ. Bài đính chính hoặc bài trả lời phải được gửi tới tòa báo 6 tiếng đồng hồ trước giờ nộp bản. Thời hạn mà tòa án phải tuyên xử đơn khiếu tố rút xuống còn 24 giờ". Trên thực tế ta thấy các thể nhân thường ít khi dùng quyền này. Các pháp nhân thì thường hay nhờ công quyền can thiệp trước.

Luật lại không dự liệu buộc báo chí có bị buộc phải đăng khi

- bài trả lời hay đính chính không do kẻ trực tiếp liên hệ viết và gửi tới

- bài trả lời hay đính chính lại dùng để phá búa về tư nhân, tuyên truyền cổ võ cho một khuynh hướng chính-trị bất lợi (vì nếu đăng có thể bị trưng trị vì đã vi phạm điều 21, 24, 29 và bị trưng trị).

- bắt trả lời hay định chính lại không đề cập hoàn toàn những điều gì liên hệ nguyên thủy đã đứng.

Hơn nữa là luật đã không quy định thời hạn thủ tiêu quyền được đăng bắt trả lời hoặc định chính trên báo. Theo luật của Pháp năm 1919, thời hạn này là 1 năm. Trở về điều 26 này, có lẽ nên áp dụng thời hạn tại điều 64 là 3 tháng cho sự thủ tiêu quyền đăng bắt trả lời, định chính.

Sau cùng, điều này cũng không ngăn cấm việc điều chỉnh hay trả tiền gởi tòa báo và kẻ đăng bắt gởi tới chính, hoặc ngoài khuôn khổ hạn định.

- Điều 27. - "Không được dùng báo chí để :

- Xúc phạm kẻ khác phạm tội trộm cướp, cố sát, cố ý dâm thương, cố ý gây hỏa hoạn.
- Xúc phạm kẻ khác phạm tội xâm phạm nền an ninh quốc nội hay quốc ngoại.
- Xúc phạm quân nhân bất tuân kỷ luật quân đội.
- Đề cao các tội phạm nêu trên.

Kể cả các trường hợp xúc phạm nói ở khoản a, b, và c điều này mặc dù không qua tới kết quả xảy ra tội phạm cũng bị coi như là tội phạm thành tựu và sẽ bị trừng phạt chiểu những điều khoản của luật này".

Quan điều này, Luật đã sơ hở vì khi báo chí có thể vi phạm tội xúc phạm những tội khác ngoài sự ấn định tại điều này, như xúc phạm tội b'ên thủ, tước những, xâm phạm tư nhân phong cách tục tĩu sao...

Sự xử dục này thường được hiểu qua lối suy diễn thiếu chính xác.

Tuy vậy, điều này đã tỏ ra khoan hồng luật của Pháp : hình phạt tù tối đa 5 năm nếu sự xử dục không có hiệu quả; và tội tòng phạm nếu sự xử dục có hiệu quả.

- Điều 28. - "Không được dùng báo chí để phổ biến các luận điệu, các tấn tặc thất thế hoặc tấn tặc có thật nhưng có dụng ý có thể gây ra một trong những tác dụng sau đây :

- a) Làm phương hại nền an-ninh quốc-gia hay trật tự công cộng.
- b) Làm phương hại nền kinh-tế, tài-chính quốc-gia
- c) Làm suy giảm kỷ-luật và tinh thần chiến đấu của quân đội
- d) Gây chia rẽ giữa các tôn giáo; các địa phương, các sắc dân".

Qua điều này ta thấy rằng thật khó biết chắc thế nào là tấn tặc thất thế ? Cầu cứ vào đâu ? Vào bản tìn chính thức của Chính-quyền công bố chăng ? Và làm sao để biết chắc là có dụng ý hay không ? vì khi một nhà báo viết bài dả kích một vấn-đề gì, dĩ nhiên là họ có dụng ý trình bày rõ ràng, trung thực, đầy đủ các tệ trạng của vấn-đề đó, cùng lời hô hào cải sửa, triệt bỏ tệ đoan. Và sau hết, còn phải hiểu thế nào là "có thể gây ra các tác dụng phương hại" ?

Bởi vậy, các từ ngữ và các danh-từ được dùng trong điều này đã tỏ ra mơ hồ, thiếu dứt tỳ quyền thẩm định của tòa án ...

Kể cầm bút viết bài dả v phạm điều này, và có thể bị câu thúc thân thể.

- Điều 29. - "Không được dùng báo chí để phổ biến các tin tức, tài-liệu, luận-điểm nhằm đề-ero chủ-nghĩa chủ-trương hay hành-động của Cộng-Sản hay trung-lập thân Cộng-sản".

Tên cháu này cũng thật mông lung, rộng rãi không kén ?  
Là thế nào để phân biệt một bài báo bày tỏ nguyện vọng cá-cách đích thực và mạnh mẽ xã-hội với một bài báo ca tụng xã-hội chủ-nghĩa... Nếu trung-lập tại Ấn-độ được coi là thân Cộng hay thân Tây phương ? Hơn nữa, một bài báo có thể vừa khen vừa chê một cách khách quan, hoặc một bài báo thoạt nhìn thì khác, mà đọc kỹ thì lại khác.

- Điều 30. - "Đền coi là phỉ báng mọi sự ám chỉ, tường thuật hay quở trách một hành vi hay sự kiện làm tổn thương danh dự, hoặc uy-tín của một cá-nhân hay một cơ-quan, đoàn thể. Đền coi là nạn lý mọi lời lẽ có tánh cách lăng nhục, khinh bỉ hay sỉ-vở".

Sự định nghĩa tội nạn lý qua điều này để tỏ ra không chính xác, đây chỉ bằng luật của Pháp : tội nạn lý (injure) là bất cứ một câu nói mạt sát, khinh bỉ hay chửi mắng có tánh cách công khai, không vi-ên dẫn một sự kiện nào.

- Điều 31. - Sự dẫn chứng về tánh cách xác thực các sự kiện bị coi là có tánh cách phỉ báng phải được chấp nhận. Tuy nhiên sự dẫn chứng sẽ bị tuyệt đối chối chối với :

1. Sự kiện liên quan tới đời tư cá nhân
2. Sự kiện đã xảy ra từ trước (10) năm.
3. Tội phạm đã được đại xá hay thời t-ệu, hoặc bản án xử phạt, đã được thủ-t-ệu bởi sự phục hồi công quyền hay tái thẩm.

Nếu mang được lại bằng cố về tính cách xác thực của sự kiện bị coi là phỉ báng, bị oan sẽ được tha bổng.

Trong mọi trường hợp mà sự dẫn chứng được chấp nhận nếu người bị phỉ báng đang bị truy tố trước tòa tòa hình sự hay đang bị Quốc-Sát Việt Nam điều tra về các sự việc làm đối tượng cho sự phỉ báng, việc xét xử các vụ kiện về phỉ báng sẽ được tạm hoãn cho đến khi có kết quả chung quyết về vụ truy tố hoặc điều tra.

Qua điều này ta thấy rằng việc tố cáo định thế nào là hành vi thuộc đời tư thật khó khăn ... Vụ cô dâu Brigitte Dardot truy tố một tờ báo tội phỉ báng vì một tấm hình chụp lên lưng tã khỏa thân trong nhà, là thí dụ điển hình nhất cho sự khó khăn này. Sau nữa, ta lại phải công nhận : các việc chấp nhận đời tư phỉ báng nếu không liên quan tới công vụ mà thôi, hãy thử tưởng tượng trường hợp một nhân vật cao cấp trong chính giới phạm tội thông dâm với vợ người khác, thì điều đó có thể được coi là hành vi đời tư hoàn toàn không liên quan tới trật tự công cộng của xã hội không ?

- Điều 32 và 33. - Không được dùng báo chí để mạ lỵ hay công kích phỉ báng :

- a) Tổng Thống, Phó Tổng Thống Việt-Nam Cộng-Hòa hay người thay quyền
- b) Quốc-Trưởng, Đại Sứ, Sứ Thần hay Lãnh-Sự thuộc các quốc-gia có liên hệ ngoại-giao với Việt-Nam Cộng-Hòa.
- c) Các cơ-quan lập pháp, hành-pháp và tư-pháp, các cơ-quan dân cử và các cơ-quan thế công lập.

- d) Dân-b+ê+n và Ngh+ệ-s+ĩ Quốc-l+ậ+t, nhân-v+ie+n Ch+ín-h+ủ, Thừa-ph+ủ  
Tố+ Cao Ph+á+p V+ậ+n, v+ie+n chức thuộc các cơ-quan công quyền và  
công dân được t+rao hay thường xuyên trao phó nh+ệ+n vụ công  
cử hay dân cử về những hành động liên quan đến nh+ệ+n vụ hay  
chức vụ của những người này.
- e) Các tư nhân không phân biệt thể nhân hay pháp nhân.
- g) Các người quá cố với danh ý là: tổn thương danh dự, uy tín của  
các người thừa kế, ph+ớ+ ngẫu hay kế quyền tổng quát còn sống".

Thật ra, chỉ cần qui định không được mạ ly hay công khai phá  
b+á+n g+i+ệ+n báo chí các thể nhân và pháp nhân là đủ, song luật đã  
qui định tỉ mỉ thêm. Có nhân vật, giới chức trong ngành hành-ph+á+p,  
Lập Pháp và Tư-ph+á+p và ngoại giao trên đây là để biện biệt, nhất  
mạnh việc lưu ý của kẻ làm báo, cũng như để tiện qui định, rõ rệt  
các hình phạt khác biệt, nặng nề hơn sau này...

Suy ra ta còn biết: kẻ kế quyền có tính cách tổng quát,  
(ayant titre général) và kẻ kế quyền có tính cách đặc biệt (ayant  
titre particulier) không được hưởng sự áp dụng đoạn g ở 2 điều  
32 và 33 vì họ khác người kế quyền tổng quát (héritier général).  
Nhưng, luật không phân biệt kẻ kế quyền tổng quát ở cấp bậc nào.

- Điều 34. - "Báo chí không được công bố các bản cáo trạng hay các  
g+á+y tờ, thủ tục khác thuộc các vụ hình sự trước khi các văn kiện  
này được công khai đọc tại phiên tòa, ngoại trừ trường hợp được  
H+ệ+n-l+ý cuộc yêu cầu bằng văn thư.

Kể từ khi vụ kiện được tòa hình thụ lý cho tới khi có phán quyết của Tòa, báo chí không được đăng tải các tin tức hay bình luận có tác dụng ảnh hưởng đến sự xét xử vô tư của tòa án.

Báo chí không được tường thuật các cuộc tranh luận các tòa về các vụ kiện phá băng, nghị lý, truy tầm phụ hệ, ly thân hay ly hôn hoặc về các vụ kiện dân sự mà tòa án ra lệnh cấm công bố".

Suy từ điều này, ta thấy báo chí vẫn có quyền đăng tải vô tư các cuộc điều tra sơ vấn tại Cảnh-Sát cuộc, khi vụ án đang đương. Và khi chưa có phán quyết của tòa, báo vẫn có quyền bày tỏ thái độ khi tường thuật các phiên tòa, các vụ án ngoài giới hạn trên; báo lại có quyền tường thuật các vụ tranh luận công khai trước tòa.

Thực ra không nên hạn chế quá nhiều quyền săn và đăng tin tại tòa, vì đời sống chính những sự thông tin tòa án trên báo có giúp tòa rất nhiều trong việc tìm kiếm dữ kiện, sơ sớ công lý.

Và điều luật này cũng gây khó khăn nhiều cho ký giả trong việc săn tin và đăng tin tòa án và hậu quả là ký giả thường hay vi phạm điều này, tòa án cần phải lưu ý ký giả trước khi vụ án đang đương. Vi phạm điều này sẽ bị trừng trị theo điều 44, tức là có thể bị phạt tù từ 15 ngày tới 3 tháng. Chế tài này nặng hơn nếu so với luật pháp (phạt vạ).

- Điều 35. - "Không được dùng báo chí để phổ biến các bài viết, các tranh ảnh, hình vẽ có tính cách xúc phạm thuần phong mỹ tục".

Phạm vi áp dụng của điều này thật vô hạn, bao gồm mọi thể loại được đăng tải dù chỉ là bài quảng cáo. Phạm vi giới thích điều luật này còn rộng hơn nữa, vì theo nghĩa rộng thuần phong

mỹ tục có nghĩa là tất cả những phong tục, luân lý, qui tắc đạo đức, truyền thống tốt đẹp của xã-hội; và quan niệm về thuần phong mỹ tục lại thường biến đổi khôn, nên nhà làm luật không thể nào ấn-dịnh tất mĩ, chắc chắn đầy đủ được. Điều này dễ tạo ra sự thiếu vô tư, khách quan, dứt khoát trong việc xác định và trừng trị tội phạm thuộc quyền chuyên quyết của tòa án.

Mục II : Hội-Đồng Báo Chí

Được Luật 019/69 quy định trong 3 điều 39, 40, và 41 sau đây :

dây :

- Điều 39. - "Hội-Đồng Báo Chí do Đại Hội Báo Chí bầu lên, có tư cách pháp nhân, có nhiệm vụ :

1. Đại-diện chánh thức cho báo giới
2. Chấp hành qui ước của báo giới do Đại-Hội báo chí qui định.
3. Liên lạc và tham dự với Chính-quyền và các đoàn thể báo chí về những vấn-đề liên quan đến báo giới.

Thành phần, chức vụ, và số lượng hội-viên trong hội-đồng báo chí sẽ do Đại-Hội Báo Chí qui định."

Điều này đã chứng tỏ được tinh thần tôn trọng nội bộ báo chí qua việc luật không ấn định rõ thành phần, chức vụ, số lượng hội-viên hội-đồng Báo chí.

Hội-Đồng Báo chí được xem là cơ-quan hành-pháp của báo giới, trực thuộc Đại-Hội Báo Chí cũng được coi là cơ quan lập pháp của báo giới.

Và thêm một điểm tiến bộ khác là : kể từ nay qui ước báo giới do chính báo giới soạn thảo và thành lập không có sự



can thiệp của chính quyền dù tối thiểu.

Tuy vậy, luật này đã thiếu sót khi chỉ quy định 3 nhiệm vụ trên đây và nhất là luật đã không dự liệu Bộ-Lồng Báo chí sẽ được thành lập bởi Bộ-Lồng Báo chí theo cách thức tối ưu quyết ra sao và giá trị của quyết-định như thế nào.

- Điều 40. - "Thành phần tham dự Bộ-Lồng Báo Chí gồm có :

- Chủ-tịch hay một đại-d diện của ban Chấp-hành các đoàn-thể báo chí có tư cách pháp nhân
- Chủ-nhiệm các nhật báo và tạp-chí đang xuất bản.
- Một ký giả đại diện của mỗi nhật báo hay tạp chí đang xuất bản.

Ký giả là danh-từ chỉ chung mọi người có nhận thù lao dưới mọi hình thức, công-tác thường xuyên với các nhật báo, tạp chí định kỳ hoặc cơ-quan thông tấn với tư cách đặc phái viên, biên tập viên, phóng viên, phóng viên nhiếp ảnh, họa sĩ, dịch giả báo chí.

Ký giả phải có thể hành nghề do chủ-nhiệm các nhật báo tạp-chí hay giám-đốc các cơ-quan thông-tấn. Thẻ hành nghề phải được đăng ký tại Bộ Thông-Tin".

qua điều 40 này, Luật đã tỏ ra quá ôn hòa, bao biện trong việc định nghĩa danh từ ký-giả. Và ta có vài nhiệm xét sau :

- Thông-tấn viên (correspondent) lại không được coi là ký giả trong khi họa sĩ, nhiếp ảnh gia phóng viên lại được công nhận. Điều này đáng chỉ trích.
- Không có sự phân biệt giữa ký giả tạp sự và ký giả chuyên nghiệp.

- Không qui định trường hợp các đoàn thể nghề nghiệp cho ký gởi.
- Các nhân-viên làm thuê không được qui định điều kiện làm việc.
- Chủ tịch hay một đại diện của ban Chấp hành các đoàn thể Địch có tư cách pháp nhân dù không phải là chuyên nghiệp làm báo cũng được tham dự Hội-Dồng Báo Chí, như đoàn thể các nhà văn, phát hành báo, nhân-viên tòa soạn, ấn công v.v..
- Các tạp chí, hay tập san thương-mại, công kỹ-nghệ, pháp luật, thể thao, tôn giáo cũng được quyền có đại diện trong Hội-Dồng báo chí.

- Điều 41. - "Đại Hội Báo Chí đầu tiên sẽ do Bộ Thông Tin triệu tập trong thời hạn 3 tháng sau khi đạo luật này được ban hành".

Suy luận điều này ta sẽ thấy kể từ sau kỳ đại hội báo chí đầu tiên; Bộ Thông Tin sẽ không còn quyền triệu tập Đại Hội Báo Chí nữa. Luật này đã dành cho báo giới quyền tự ấn định và triệu tập các đại hội kể tiếp.

Qua phần trình bày trên đây, ta đã phân tích và phê bình nội dung của Luật 019/69 ấn định qui- chế báo chí qua khía cạnh lý-thuyết mà thôi. Nếu không nhận định về khía cạnh thực tại của luật này, thì đó quả là một điều thiếu sót vô cùng lớn lao, một sự nông cạn, lệch lạc trong việc phân tích và phê bình bộ luật mới mẻ, trọng đại của làng báo Việt-Nam. Vậy ta cần phải đi sâu vào bình định thực tiễn áp dụng luật này trong nhiều thận trọng và đề dặt,

PHẦN TƯ BA

TỔNG KẾT

Kể từ ngày ban hành Luật 019/69 tới nay, qui chế báo chí để thực sự áp dụng trên gần 9 tháng trời, trong sự hỗn loạn của nước và kịch liệt chế trách từ chính-quyền hành-pháp, báo giới và quần chúng... Và sự thực thế này cũng để phát lộ những ưu điểm đáng khuyến khích, tín tưởng cũng như những khuyết điểm, thiếu sót cần cải trách... cũng trong khung cảnh của một quốc-gia trên con đường xây dựng và củng cố dân chủ. Sự ra đời của qui-chế báo chí là kết quả việc thực thi điều 12 hiến-pháp để chúng tổ chức can đảm của giới lãnh đạo hành pháp, sự thiết tha đảm-chủ tự-do của nhà lập-pháp đáp ứng với nguyện vọng hợp lý, thiếu bộ của làng báo, sự đòi hỏi chính đáng của quần chúng... và cũng đánh dấu khúc quanh mới cho làng báo Việt-Nam.

Lật lưai nữa, với các nhận tổng quát về qui chế này, ta phát hiện được những điểm sau :

1. Có tính cách toàn bộ chứ không còn giữ tính cách vá vấu như các luật báo chí Việt-Nam khi xưa - lại có tính cách tiến bộ, dân chủ, tự do hơn.
2. Có khuyến hướng nâng cao trình độ báo chí.
3. Tính cách trừng trị nhẹ nhàng hơn là phòng ngừa.

Tuy nhiên điều này có phần thuận lợi hơn cho báo giới : sẽ nóng và dễ trưởng thành nếu không bị đặt dưới sự giám hộ của Chính-quyền.

4. Vai trò của cơ-quan tư-pháp được đề cao Tôn ần chỉ không phải bộ Thông-Tin và bộ Hộ-Vụ được nắm quyền trừng phạt và định bản vì qui chế báo chí có tính cách một chế-độ hậu kiến tức là nặng phần trừng trị nên thậm chí phải tỏ ra công minh độc lập hầu hậu trong mỗi quyết định tuyên án, cũng có nhiều vụ quy định những lần mức cụ thể cho báo giới với một tầm nhìn xa hơn, cụ thể hơn ta sẽ có thể thêm nữa xét sau đây : báo giới đã và đang gặp khó khăn lúc đầu vì khả năng và trình độ hậu hầu nói chung cũng như là sự chưa quen thuộc với những luật lệ mới này ... và những vi phạm báo đã và đang xảy ra khá nhiều chỉ trong vòng 6 tháng nay, nhưng không riêng gì báo giới vi phạm; ngay cả chính-quyền đã có lỗi, thêm vào những sơ hở phát xuất từ luật lệ, nên vô tình hay cố ý trực tiếp hay gián tiếp, qui chế báo chí này đã bị vi phạm và đôi khi bị chà đạp.

Về tiến tới việc toàn thiện qui chế và hoàn cảnh báo giới thiết lập ta cần đề cập tới hiện trạng báo chí Việt-Nam, qua những khó khăn tệ trạng cụ thể và sau đó ta hãy tiến tới những yếu tố, điều kiện thuận lợi phát khởi việc bỏ tác những sơ hở của luật cũng như xây dựng một nền báo chí tự do dân chủ tiến bộ và xây dựng cần thiết cho hoàn cảnh Việt-Nam Cộng-Hòa một quốc-gia đang ở trong tình trạng chiến tranh và chậm tiến.

Ta sẽ lần lượt phân tích dưới đây.

4. Vai trò của cơ-quan tư-pháp được đề cao Tôn áu chí không phải bộ Thông-Tin và bộ Nội-Vụ được nắm quyền trừng phạt và định bản vì qui chế báo chí có tính cách một chế-độ hậu kiểm tức là nặng phần trừng trị nên thẩm phán phải tỏ ra công minh độc lập hầu hiệu trong một quyết định tuyên án, cũng có như hiệu vụ quy định những làm mức cụ thể cho báo giới với một tầm nhìn xa hơn, cụ thể hơn ta sẽ có thể thêm nhận xét sau đây : báo giới đã và đang gặp khó khăn lúc đầu vì khả năng và trình độ hiệu hầu nói chung cũng như là sự quan tâm thuộc với những luật lệ mới này ... và những vi phạm báo đã và đang xảy ra khá nhiều chỉ trong vòng 6 tháng nay, nhưng không riêng gì báo giới vi phạm; ngay cả chính-quyền đã có lỗi, thêm vào những sơ hở phát xuất từ luật lệ, nên vô tình nay cố ý trực tiếp hay gián tiếp, qui chế báo chí này đã bị vi phạm và đó khi bị chà đạp.

Để tiến tới việc toàn thiện qui chế và hoàn cảnh báo giới thiết lập ta cần đề cập tới hiện trạng báo chí Việt-Nam, qua những khó khăn tệ trạng cụ thể và sau đó ta hãy tiến tới những yếu tố, điều kiện thuận lợi phát khởi việc bỏ tức những sơ hở của luật cũng như xây dựng một nền báo chí tự do đầu chủ tiến bộ và xây dựng cần thiết cho hoàn cảnh Việt-Nam Cộng-Hòa một quốc-gia đang ở trong tình trạng chiến tranh và chĩa tiến.

Ta sẽ lần lượt phân tích dưới đây.

C H U O N G    I

TRUC TRANG BÁO CHÍ VIỆT-NAM

Cho tới nay, những tệ trạng cụ thể và những khó khăn thực tiễn được xem là rất quan trọng đối với quyền tự do báo ngôn luận; được phát biểu sau đây .

Trên lý-thuyết qua điều 12 Hiến-Pháp và điều 2 của Luật 019/69, chế-độ kiểm duyệt bị minh thị hủy bỏ, thì trên thực tế, xét về khía cạnh bản chất chế-độ này đã không kèn không trống xuất hiện dưới danh nghĩa lời khuyên cáo của chính-quyền đối với báo chí.

Sự khuyên cáo này thường được Bộ Thông Tin và Bộ Nội Vụ thực hiện qua những phương tiện báo chính thức trước khi báo nộp bản và phát hành ... Sự khuyên cáo này thường rất hiệu nghiệm và đưa tới kết quả là vẫn có những khoản bôi đen trắng trên mặt báo...

Giả thiết sự kiện này Bộ Thông Tin thường đưa ra lý lẽ họ chỉ thông báo, lưu ý nhà báo vì nhà báo không có đầy đủ phương tiện để phổ biến tin tức cho chính xác. Song theo triết lý của báo giới thì chính Hiến-Pháp đã cố ý xâm phạm quyền tự do ngôn luận, báo chí bằng cách tạo áp lực gián tiếp trên kiểm duyệt qua khuyên cáo này.

Sự việc này là một điều bất lợi không những cho báo chí mà còn cho cả chính quyền nữa, vì điều thế nào đi nữa, khi nhìn thấy các khoản bôi đen trắng trên mặt báo, độc giả đều nhận định được bóng dáng bàn gấm kiểm duyệt xuất hiện do chính-quyền ( Bộ Thông-Tin ) thực hiện. Song nếu tòa báo nào cũng tỏ ra vững mạnh, độc lập, đứng đắn; sự kiểm duyệt không thể nào được chấp nhận, vì báo chí đã hành xử trọn vẹn và mạnh dạn quyền tự do

ngôn luận, và tự do báo chí của mình, đồng thời sẵn sàng chịu trách nhiệm luật định và tinh thần về hậu quả của báo đăng tải. Riêng với công luận ngoại quốc, chế độ kiểm duyệt còn tạo ra tình trạng dốt tở hơn, chính-quyền không thể nào biện minh, thuyết phục, giải thích rõ ràng, vững chắc về các khoản bôi đen, đục trắng trên các trang báo, và khó mà tránh khỏi sự phán xét xấu xa về nền báo chí nước nhà.

Theo ý tôi, Chính-quyền không nên thực hiện những khuyến cáo, vì nếu tờ báo nào vi phạm luật lệ họ sẽ phải chịu chế tài sau này; Chính-quyền dù kiểm duyệt, tờ báo ấy vẫn có thể vi phạm tiếp tục như vậy; hơn nữa sự kiểm duyệt tạo nhiều bất lợi cho Chính-quyền, đó là chưa kể đến trường hợp sự kiểm duyệt sẽ vô hiệu nếu tòa báo giải quyết in 2 lần bản : lần bản tái nhất được nộp bản đã có sẵn những khoản bôi đen, đục trắng theo sự khuyến cáo, và hạt lòng của Chính quyền. Còn lần bản thứ hai không có những khoản bôi đen, đục trắng nói trên được đem bản trong công chúng. Như vậy cả chính-quyền lẫn báo chí đều cùng vi luật do sự kiểm một bên kiểm soát, bên kia né tránh sự kiểm soát. Cả hai sự trạng này đã xảy ra rất nhiều, và rất thông thường cho đến ngày hôm nay mà không có sự cải thiện nào nữa hiệu hơn, là vì lý do quyền lợi và chủ trương đối nghịch của hai bên : báo chí và Chính-quyền.

Sau đó, ta phải bàn tới hồ-sơ khai báo, điều kiện ra báo, và thể thức cấp biên nhận và biên lai của Chính-quyền đối với sự xuất bản báo chí đã dành cho hoàn-thập sự dễ dàng chuyên

quyền, vô đoán, như trường hợp xin tu-pháp lý-lịch số 2 đã tỏ ra vô lý, và vô tình buộc những kẻ đứng tên trong hồ-sơ xin ra báo bị ràng buộc với cơ quan công quyền. Sau nữa, là quyết định từ chỗ cấp biên-lai của bộ Thông-Tin thường dựa vào lý do "hành vi nhằm mục đích tuyên truyền hay thực hiện chủ- nghĩa Cộng-sản" cũ cũ trên báo cáo mật, phức tạp theo dõi kín của cơ quan an ninh Cảnh-sát cuộc. Tệ hơn nữa, có nhiều trường hợp mà bộ Thông-Tin không cấp biên-lai, mà cũng không đưa ra quyết-định từ chỗ có viên đầu lý do: kẻ xin ra báo không biết các điều lệ hồ sơ của mình có được chấp nhận không. Ngón ra, sự hoàn- thành những phát-sinh từ việc cấp biên-lai, xét hồ sơ khai báo tại bộ Thông Tin có thể chấp nhận được. Song song với các tệ trạng này, hiện nay vẫn còn nhiều trường hợp chủ- nghĩa, chủ bút vẫn đang là đầu- biếu, nghị-sĩ được hưởng quyền đặc- biệt tấp-phần; điều này hiện- nhiên đã vi phạm tinh thần của điều luật quy- định về năng- cách của chủ- nghĩa, chủ bút, mà hiện nay vẫn chưa có một sự điều- chỉnh nào được thực- hiện, chẳng hạn như nhật- báo Tin Sáng của Dân-biếu Ngô Công Lạc, nhật- báo Công Luận của Nghị-sĩ Tôn Thất Sinh, tuần- báo Vạn Hạnh Kết của Dân-biếu Dương Văn Bơ.

Tóm lại, tinh thần của Luật này quy- định về điều- kiện năng- cách, và các- điều- kiện khác đã không được tôn- trọng. Thứ- nữa là ta phải kể tới trường- hợp vi- phạm thể- lệ về xuất- bản (theo điều 13) mà lỗi về phía báo- giới). Theo luật- định, báo- chí được phát- hành 2 giờ sau khi- đã nộp bản và bộ Thông- Tin sẽ quy- định thời- gian nộp bản cho các- nhật- báo là từ 16 giờ tới



18 giờ, như vậy các báo nào ra sớm lắm cũng chỉ có thể phát hành  
khoảng 18 giờ, nhưng trên thực tế thì vào khoảng 17 giờ như  
nhật báo đã được bày bán nhan nhản trên khắp các đường phố  
đô thành. Sự xé rào luật lệ "bắt nguồn từ lý do thương mại"  
(báo ra sớm mới bán chạy) và phần khác là để tránh né sự tịch  
thâu báo chí nếu cần do công quyền thực hiện. Đối với tệ trạng  
này, báo giới vẫn chưa tự trọng và ý thức để sửa đổi và chính  
quyền (Bộ Thông Tin) cũng chỉ đưa ra các khuyến cáo, nhắc nhở  
và hô hào "xông" thôi; và chưa có vụ án nào trừng phạt tội  
"xé rào" luật lệ phát hành này.

Sau đó ta phải kể đến trường hợp áp dụng điều 19, theo  
đó Hành-Pháp được quyền tịch thu báo chí nếu có phương hại đến  
an ninh quốc-gia, trật tự công cộng và thuần phong mỹ tục, các  
tiêu chuẩn này thật rộng rãi, tùy thuộc vào sự chuyên quyết  
vận dẫn, định nghĩa và áp dụng của Hành-Pháp qua việc tịch  
thâu báo chí. Điều 19 hiện nay bị coi có tính cách phản dân-chủ  
rõ rệt, trái với tinh thần tôn trọng tự do ngôn luận, xuất bản  
và phát hành của Luật 019/69 vì đã dành cho Hành-Pháp rộng  
quyền và trắng trợn tùy nghi xâm phạm quyền tự do báo chí.  
Và tệ hại hơn nữa là qua 9 tháng áp dụng Qu-ế-chế Báo chí này,  
Hành-Pháp đã căn cứ vào điều này để tịch thu bừa bãi và đã  
chà đạp tinh thần điều luật này: Hành-Pháp tịch thu nhưng  
không truy tố tờ báo bị tịch thu trong hạn 8 ngày, có lẽ vì  
giới hữu trách đã kém tinh thần thượng tôn luật pháp, hoặc  
kh- tịch thu xong mà không biết qu- định rõ ràng là tờ báo

vì phạm tội giả; điều nòng cốt nhất là vụ tịch thu nhật báo Tin Sáng; luật-sư biện hộ của chính- phủ lại xin đình xử trong nạn 1 tháng khi Công Tố Viên phát động quyền truy tố; và mãi cho đến nay, vụ án này vẫn chưa được tòa án chính thức xét xử xong.

Về chế-độ xuất bản, Luật 019/69 đã vô tình tạo ra nhiều hiện tượng không được tốt đẹp cho lắm, cũng như đã sản sinh ra những nhà nòng cốt báo hiện nguy cơ "loạn báo" và "tình trạng theo từng báo chi để độc quyền xuất bản"... mà lý do phát sinh các tệ trạng nguy hiểm phát xuất từ sự quá dễ dãi, và sơ hở trong thể lệ xuất bản, điều kiện xin ra báo.

Và sau đó chúng ta không thể nào quên đề cập tới một vấn- đề thực tại, cụ thể, hệ trọng đến nỗi có tính cách quyết định sự sống còn của tờ báo nòng cốt điều này đã vượt ra ngoài sự dự liệu của Luật 019/69; đó là chế độ phân phối giấy báo với giá miễn thuế cho các báo hay gọi tắt là chế độ bổng giấy, mà ta sẽ phân tích sau hơn dưới đây :

Trong tình trạng kinh-tế khó khăn đột ngột tăng vọt những chi- phí kể từ khi có luật thuế hiện ước (taxe d'austérité) cùng với sự leo thang vật giá; giá giấy báo bỗng nhảy vọt lên rất cao khiến báo giới Việt-Nam gặp khó khăn, bị triệt tiêu quyền lợi rất nhiều... Để bảo vệ quyền lợi nghề nghiệp của mình, làng báo Việt-Nam đã thực hiện được một cuộc tranh đấu nhất trí, quyết liệt và rộng rãi với mục đích đòi mua giấy báo theo giá miễn thuế ... và kết quả cuộc đấu tranh này là Nghị-định số 120 ngày 03.10.1969 của Bộ Kinh-Tế, theo đó làng báo sẽ được phép mua với giá miễn thuế số lượng

10.000 tấn giấy báo mỗi năm. Hội đồng Báo chí toàn quốc đã ấn định tiêu chuẩn phân phối như sau :

- 65% cho mặt báo
- 18% cho báo tuần kỳ
- 17% cho báo ngoại ngữ

Mỗi báo sẽ tùy theo số ấn hành của mình để hưởng tỷ phần (quota) tương xứng. Thế lệ phân phối này đã là dấu mốc phát xuất các cuộc chỉ trích, tranh dành, tố cáo lẫn nhau trong hàng loạt báo chí vì vấn đề quyền lợi "mới thật" này.

Chế độ giấy báo miễn thuế còn được gọi là chế độ bóng trắng theo đó giá 1 rưỡi giấy báo là 4300 mỗi báo được cấp theo tỷ phần của mình. Ngoài ra, còn có chế độ bóng xanh hay chế độ giấy lảo với giá ca hơn thóc (8300) tòa báo được mua theo sự giới thiệu, đề nghị của Hội đồng Báo chí để đáp ứng nhu cầu tăng giá số giấy in báo, ngoài số lượng tỷ phần đã ấn định.

Trên nguyên-tắc, Hội đồng Báo chí sẽ thực hiện sự phân phối giấy báo này, song hiện nay cơ quan này đã tan rã, nên Thông Liên-chức Báo-Chí, Hội đồng Báo chí, Bộ Thông Tin hiện tại thời điểm trích việc này. Tại phòng này, việc ấn định tỷ phần (quota) cho mỗi báo sẽ căn cứ theo :

- hóa đơn in báo
- sự miễn thuế lẫn nhau giữa các báo có thể nhận chứng được.

Ngoài ra, Hội đồng Báo chí còn được quyền chuyển quyết, tăng hay giảm tỷ phần này theo lời yêu cầu và sự minh chứng của tòa báo nào muốn có thêm giấy in báo....

Bởi thế, do một sự tình cờ phát xuất từ tình hình kinh-tế, vượt khỏi sự dự liệu của các nhà làm Luật 019/69, Hình-Pháp đã mặc nhiên có thêm một phương tiện chi phối thật hữu hiệu đối với mỗi tờ báo nói riêng, và làng báo nói chung, bởi vì như ta đã thấy ở trên, mỗi tờ báo vì quyền lợi riêng, đều cố gắng mua đủ hoặc dư số giấy báo theo giá miễn thuế, hoặc cũng mua theo giá chính thức để tránh không phải mua giá chợ đen quá cao : muốn thế, báo phải cố gắng thận cảm và phục tùng Nhà Báo Chết, nhất là đối với Ông Giám-Đốc Nhà này, người nắm quyền chuyên quyết việc ấn-định tăng hay giảm tỷ phần, giá thuê báo được mua với giá chính thức. Sự ta nại thế nào của sự trạng này đối với quyền tự do báo chí có lẽ ta không cần đề cập tới, vì nó quá hiển nhiên qua mối tương quan giữa báo giới và Ông Giám-Đốc Nhà Báo Chết. Vậy cần phải có Hội-Đồng Báo Chết trong sạch giải quyết việc này.

Sau nữa, chính chế độ bóng trắng, bóng xanh nói trên không những đã gây lũng đoạn nội bộ, chia rẽ quyền lợi trong làng báo, mà còn tạo cơ hội "béo bở" cho bọn con buôn bất chính, tìm cách nhảy vào làng báo, trục lợi một số lượng giấy đóng kê để mua bán chợ đen, còn việc làm báo có đóng dấu, nhận chính thức chúng không quan tâm, miễn là làm sao mua được càng nhiều càng tốt số giấy báo với giá miễn thuế, hay giá chính thức; rồi chúng sẽ mua bán chợ đen để hưởng lợi. Chính bọn này là "châu chấu" trong hàng ngũ báo giới Việt-Nam. Muốn xóa bỏ tệ trạng thối nát này để bảo vệ những kẻ còn b...

chính, chuyên nghiệp và danh dự uy tín làng báo thiết tưởng nên có những biện pháp hữu hiệu ngăn chặn, bắt trừ sự có mặt của những kẻ làm báo không chính, chỉ có đầu óc nô lệ, trục lợi với hành pháp. Và sự hữu hiệu của một Hệ Thống Báo Chí thật cần thiết trong việc thanh lọc hàng ngũ báo giới cũng như một nền kinh-tế sáng sủa.

Nói đến khuyết điểm thực tiễn của việc áp dụng Luật 019/69 ta không thể nào bỏ sót những trường hợp tịch thu và kiểm duyệt dây lổ làm đã xảy ra.

Đã có rất nhiều vụ tịch thu báo chí một cách bừa bãi, bất công dựa trên các quyết định vô doán, bất nhất mà hậu quả là chế độ ngôn luận, báo chí tự do bị xâm phạm trắng trợn. Như ta đã phân tích trong phần trên, các điều 19, 21, 23, 24, 25, 27, 28, 29 và 35 đã tỏ ra thiếu chặt chẽ, chính xác khi đưa ra về qui định các điều kiện lý do luật định, tiêu chuẩn pháp lý cho việc trưng trị và tịch thu. Vì các sự tịch thu này lại tỏ ra bất công, lùm lùm, nhất là gắn với sự áp dụng và việc dẫn điều 35 về thuần phong mỹ tục; những bài báo có những lời lẽ dâm ô, tục tĩu rõ rệt thì lại không bị trưng phạt tịch thu theo điều 35; có những tờ báo rõ rệt không có tính cách này, chỉ dùng những từ ngữ khi đáp lại bị trưng phạt theo điều 35... (như truyền "Câu chớ" trên nhật báo Trắng đen trắng trợn vi phạm thuần phong mỹ tục, đã thoát khỏi sự tịch thu một thời gian dài từ bao lâu nay.

Đã có những tờ báo, tạp chí của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, đã thoát khỏi sự tịch thu một thời gian dài từ bao lâu nay.

Sau nữa, phần đề cập tới "chế độ khuyến cáo" được xuất hiện, thay thế chế độ kiểm duyệt đã bị minh định hủy bỏ tại điều 2 Luật 019/69.

Trên thực tế, điều 2 Luật 019/69 và ngay cả điều 12 Hiến Pháp ngày 01.4.1967 đã bị trắng trợn vi phạm qua những khoảng bờ đen đục trắng nhảm nhí trên mặt báo. Trên khía cạnh bản chất, chế độ kiểm duyệt vẫn tồn tại qua hình thức những khuyến cáo và các khuyến cáo đã tỏ ra có nhiều hiệu lực đối với hầu hết các báo có lẽ chỉ vì lý do các tờ báo nhận định rằng thà chịu chế độ tiền kiểm, còn hơn phải thụ nhận những hình phạt hậu kiểm quá nặng sau này. Hiệu lực của chế độ kiểm duyệt này lại được củng cố bằng chế độ bông giấy, một vấn đề quan yếu của báo chí hiện nay. Vậy, vì những lý do cần thiết nội tại và ngoại tại, chế độ kiểm duyệt vẫn không kèn không trống tái xuất hiện trong làng báo Việt-Nam với phạm vi áp dụng thật lớn lao; chẳng những các bản tin, bài bình luận mà còn cả các bài báo đăng nguyên văn nội dung lời tuyên bố của dân biểu, nghị-sĩ tại nghị-trường cũng bị đục trắng, bờ đen. Thứ dụ điển hình nhất là về lời tuyên bố của Dân-biểu Ngô Công Lữ cổ vũ thành lập Chính-phủ Liên-nhiệm lâm thời; và mới nhất là ngày 25.09.1970 về lời phê-bình của Nghị-sĩ Nguyễn Văn Chúc liên quan đến khả năng và chế độ của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu. Sau đó là những bài báo trích dịch trung thực và ngay tình từ các tờ báo ngoại quốc được phép lưu hành tại Việt-Nam, như tờ Newsweek, Daily Telegraph, Paris Match cũng bị kiểm duyệt và tịch thu.

Cuối cùng là những bài phê bình có nội dung và ý nghĩa thật xây dựng mong lại bị kiểm duyệt hay tịch thu, trong khi các bài khác có nội dung hèn nhèn bắt lợi cho đường lối chính-phủ, chính-sách quốc-gia lại không bị bắt biên qua trắng.

Tóm lại, sự kiểm duyệt dưới hình thức "khuyến cáo", và sự tịch thu bừa bãi đã đưa nền báo chí Việt-Nam vào một hoàn cảnh đau-chỉ, tự do báo chí mập mờ, nửa chừng, đầy rẫy những bất công, vô đoán, lệch lạc, vi luật, lạm quyền. Tệ trạng này phát xuất từ nhiều yếu tố : sự sơ hở của luật lệ, trình độ ý thức và thái độ độc lập tự do của báo giới, vấn-đề kinh-tế ngoại cảnh, sự thực tâm trọng pháp và tinh thần tự do dân chủ thực sự của chính-quyền. Không riêng gì báo giới và độc giả bị thiệt hại, mà chính-quyền cũng bị bắt lợi trên khía cạnh chính-trị thông tin quốc-ngoại và quốc nội. Nhất là đối với các đơn-biệt, ngưi-sĩ, thật không gì đau xót hơn khi họ đã làm luật với chủ ý để báo chí được quyền tự do ngôn luận, thế trong thực tiễn áp dụng cùng với sự lạm quyền của cơ quan hành-pháp. Luật này đã đi ngược lại ý muốn thiết tha của họ qua sự việc : báo chí không được đứng tại đây đủ, trung thực, ngay tình những lời tuyên bố của chính mình.

Ngoài ra, việc kiểm duyệt, tịch thu bừa bãi của Chính-quyền còn bị chỉ trích là ngu xuẩn, thừa những được giải thích bằng vấn-đề nhân sự thiếu sót về lượng (số nhàn-viên phụ trách ít) và phẩm (trình độ học lực, khả năng văn hóa thấp, không ý thức được các vấn-đề đời sống nhận xét sâu sắc cùng những phán đoán chính xác vì đa số đều là cán bộ) cùng với sự toa rập với nhà báo xu nịnh.

Thứ nữa, là tình trạng trì trệ, kém hiệu quả của cơ quan tư-pháp. Từ ngày ban hành Luật 019/69 tới nay đã có khá nhiều tội phạm báo chí xảy ra qua sự kiểm duyệt, tịch thu; các tranh tụng và truy tố trong làng báo; nhưng thực sự chưa có vụ nào được thực sự đem ra xét xử tại tòa. Tòa án đã giải thích bằng lý do: phải xử nhiều vụ khác, nhân viên ít, các tụng phương thường không thể hành đầy đủ thủ tục, hồ sơ... Cơ quan tư-pháp còn bị báo giới và công chúng công kích là đã thiếu vô tư, mất độc lập, kém khả năng, bất trọng pháp. Có lẽ vì muốn chứng tỏ sự hiệu quả, công minh, độc lập, chưa chỉ trong thẩm quyền và nhiệm vụ luật định, nên pháp đình đã thiếu nhanh gọn rút các tranh tụng qua những phiên xét xử lên tiếng; và hoàn tất những vụ án sau đây, được xem là những vụ án mở màn sau quy chế báo chí:

- Ngày 10.09.1970 và 17.09.1970, Tòa Sơ Thẩm Tối Cao nhân Sơ-gon trong các phiên trực tố đã tuyên xử:

- Bà Lâm Thị Ngọc Diệp, chủ-nhiệm kiêm chủ-bút tuần báo "Phụ Nữ Tân Tiến" bị phạt vạ 100.000\$ và bồi thường một đồng danh dự cho Bộ Nội-Vụ vì đã cáo đing thiếu thuyết có tính cách xúc phạm thuần phong mỹ tục chiếu điều 35 của Luật 019/69 trên các số báo 16, 17 phát hành ngày 12, 19.5.1970.

- Ông Lê Xuân Bản, chủ-nhiệm tuần báo "Minh" bị phạt vạ 100.000\$ và án treo vì tội đã đing trên số đặc biệt Xuân Canh Tuất, thiếu thuyết có tính cách xúc phạm thuần phong chiếu điều 35 của Luật 019/69.

Và ông Đỗ Vinh, tác giả bài nói trên bị phạt khuyết tịch 1 tháng tù ở.



- Bà Lê Thị Tuyết Nga, chủ nhiệm kiêm chủ bút nhật báo "Thủ Lộ" bị phạt khuyết tịch cơ như trong tịch 100.000 và tịch thu các số báo tăng vật về tội đã cho đăng tin thuyết cổ tính cách sức phạm thuần phong mỹ tục, và loạn tin thất thiệt có tác dụng phương hại an ninh quốc gia trên các số báo 9, 18, 20 phát hành ngày 06, 16 và 19.5.1970 chiếu điều 35 và điều 28 đoạn a của Luật 019/69.
- Ông Đặng Văn Như, chủ nhiệm kiêm chủ bút nhật báo "Việt Nam" bị phạt khuyết tịch 100.000, bồi thường cho bộ Nội-Vụ 1 đồng danh dự và tịch thu các số báo tăng vật về tội đã loạn tin thất thiệt có tác dụng lừa phương hại an ninh quốc gia trên số báo 1329 phát hành ngày 20.04.1970 chiếu điều 28 đoạn a) của Luật 019/69.
- Ngày 24.09.1970, tòa Sơ-thẩm Tiên Hình Sa-gon đã tuyên xử phạt ông Dương-Hà Dương Văn Chánh, chủ nhiệm kiêm chủ bút nhật báo "Dân" 150.000 tịch thu và tịch thu các số báo tăng vật về tội đã phổ biến luận điệu xuyên tạc trên số 21 phát hành ngày 22.06.1970. Chiếu điều 28 của Luật 019/69.

Và cuối cùng là một vấn đề thực tiễn qua việc áp dụng qui chế báo chí ngày 30.12.1969 liên quan tới vấn đề tổ chức hoạt động nội bộ của làng báo Việt-Nam. Trước tiên, phải có những định về đến tiến tổ-chức làng báo này : Cuối tháng 3/1970, triệu tập của bộ Thông Tin chiếu điều 41 của Qui-Chế Báo Chí, Hội Báo Chí đã được thành lập trong năm hầu hơm tin tức báo giới Việt-Nam, mối hi vọng của các nhà lập pháp thiết lập với nền dân chủ báo chí. Nhưng tiếc thay, ngay từ phút đầu,

Đại Hội Báo Chí đã phát hiện ngay được sự chệch lệch nội bộ, xáo trộn hàng ngũ, và kết quả là 4 Hội đoàn báo chí và đại diện các nhật báo đã tẩy chay phiên họp vì lý do có nhiều thành phần không phải là nhà báo chuyên nghiệp (đại diện các tập san thể thao, hành-chiến công kỹ nghệ, tôn giáo v.v..) cũng tham dự Đại Hội. Và qui ước báo giới, dựa con đầu tiên về duy nhất được ra đời khó khăn, sau thời gian thao nhuyển vất vả của Đại Hội Báo Chí lại sớm trở thành đứa con vô thừa nhận (chỉ có một nhật báo Saigon mới công nhận). Tóm lại Đại Hội Báo Chí này đã tự động tan vỡ một cách thảm hại. Liệu được qui trách cho ai? Các nền lập pháp đã ấn định luật lệ thiếu sót sơ hở? Chính-quyền tổ ý phá khuấy? Báo giới tự làm hại mình? Xin trả lời: tất cả các thành phần trên đây đều có trách nhiệm về việc này.

Sau nữa là Hội đồng Báo Chí được coi như là cơ quan hành pháp của làng báo, do Đại Hội Báo Chí bầu lên sau này cũng đã tự giải tán không kèn không trống. Cơ quan này chỉ đạt được vốn vẹn một thành tích không lấy gì làm vẻ vang, xứng đáng cho lắm: chế độ bóng giấy.

Làng báo Việt-Nam sẽ đi về đâu trong cơn lốc sóng hỗn loạn đời tệ này?

Trước khi kết thúc việc trình bày hiện trạng báo chí Việt-Nam kể từ khi áp dụng Luật 019/69 ấn định qui-chế Báo Chí, cần đề cập đến một tệ đoan đang hoành tráng lớn mạnh. Đó là việc mượn báo và cho mượn báo. Ta có nhận xét ngộ nghĩnh và khờ hèn sau đây: kể từ khi luật này qui định tội cho mượn báo và mượn báo cùng với chế tài chế tài nhất định có tính cách khá mới mẻ

mẻ và nặng nề (phạt vạ từ 5.000đ tới 50.000đ) thì thực tế đã  
chứng tỏ sự mất hiệu lực của điều khoản này: tờ đơn muốn báo  
và cho muốn báo lại lan tràn sâu rộng, không khắp hơn đến nỗi  
nhiều báo nào cũng vẫn phải đăng lời kêu gọi thiết tha đọc giả  
đừng gặt báo bằng muốn báo... và cũng có sự vi phạm nào về tội  
này được truy tố và xét xử.

## CHƯƠNG II

### Kiến toàn nền tự do dân chủ báo chí tại Việt-Nam

Nhằm mục đích tiến tới việc kiến toàn nội dung qui-chế  
báo chí đồng thời tạo điều kiện dễ dàng, yếu tố thuận lợi để  
xây dựng nền báo chí tự do dân chủ thực sự trong khung cảnh một  
quốc-gia chậm tiến, chiến tranh đang cố gắng vươn mình thoát  
khỏi loạn ly, đói nghèo, lạc hậu, ta phải nghĩ đến hai vấn-đề  
cấp bách trước mặt sau đây :

- về khía cạnh lý thuyết, luật lệ : đòi hỏi sự tu chỉnh

Luật 019/69 này

- về khía cạnh thực tại: phát sinh nhu cầu tạo khung cảnh  
có đầy đủ yếu tố thuận lợi để thực hiện quyền tự do  
ngôn luận, báo chí tự do, dân chủ, tiến bộ nhưng có  
tính cách xây dựng đích thực.

Ta sẽ lần lượt đi sâu vào hai phần dưới đây :

TRẬT I : Sự tu chỉnh Luật 019/69 ấn-định Quy-chế Báo Chí

Qua những thiếu sót, sơ hở của Luật này, cũng như những khuyết điểm thực tiễn của Luật này mà ta đã phân tích và phê bình trên đây. Ta cần phải sửa đổi, điều chỉnh một số các điều khoản, và thậm chí phải hủy bỏ các điều khoản có tính cách phi dân-chủ, phần tiến bộ để có thể tiến tới việc tạo lập một bộ Luật báo chí đầy đủ, tự do, dân chủ, tiến bộ thích ứng với nhu cầu cần thiết của tình thế. Một điểm kỹ-thuật quan trọng mà ta phải lưu ý là : sự tu chỉnh này đòi hỏi một sự tham khảo ý kiến kỹ lưỡng và sâu rộng nơi các người có thẩm quyền liên hệ.

Sự tu chỉnh này quả thật cần thiết trong các điều khoản liên quan tới chế-độ tự do ngôn luận; chế-độ xuất bản, phát hành; tổ-chức làng báo Việt-Nam, cùng những sơ hở, thiếu sót trong luật 019/69 ấn-định qui chế báo chí này.

Mục I : Chế-độ tự do ngôn luận :

- Phải dự liệu qui định việc hành xử quyền tự do ngôn luận báo chí trong trường hợp quốc-gia lâm vào tình trạng khẩn trương.

- Phải dự liệu qui định thêm một giới hạn thứ tư nữa cho quyền tự do báo chí : trật tự công cộng.

- Qui định rõ rệt các trường hợp đích thực, bằng những tiêu chuẩn minh bạch để Hành-pháp tịch thu báo chí. Đồng thời phải qui định và áp dụng chế-tạt đối với sự lạm quyền tịch thu bừa bãi, đối với trường hợp Hành-pháp tịch thu báo chí không hoặc chậm trễ theo tổ theo luật định.

- Minh định rõ rệt phạm vi áp dụng, và định nghĩa chính xác các tiêu chuẩn, lý do luật định qua các điều 21, 23, 24, 25, 27, 28, 29 và 35 liên quan tới việc qui định tội danh, và thực hiện chế tài tương xứng.

- Dự luật đã định và gả quyết thêm một tiêu sớt sau đây tại điều 25 : Sự trích dịch trung thực và ngay tình các bài báo có nội dung vi phạm điều 24, 27, 28, 29; từ trên các báo chí, tạp chí ngoại quốc được phép lưu hành tại Việt-Nam.

- Minh định thêm các sơ hở qua điều 27 :

- tội xử phạt các tội phạm ngoài sự ấn định tại điều này;
- phân biệt rõ tội ác hình và tiêu hình báo chí.

- Minh thị cấm đoán cả hình-thức "khuyến cáo" của chính-quyền.

- Mở rộng quyền hành nghề của ký giả tại Tòa án.

Mục II : Về chế-độ xuất bản và phát hành :

A) Về thể lệ :

- Cần phải qui định chặt chẽ, rõ ràng hơn để ngăn ngừa sự lạm quyền xuất bản và phát hành tại nội, cũng như ngăn ngừa trường hợp một người làm chủ nhiều tờ báo.
- qui định dễ chế-độ phân phối giấy báo.

B) Về các điều kiện cá nhân của người làm báo :

- Ấn định thêm điều kiện tốt, tiêu về văn-bằng (Tú tài II hoặc tương đương) ngoài điều kiện tẩm nên chức nghiệp cho chức vụ chủ nhiệm và chủ bút.

- Quy định giá quyết trường hợp chủ nhậ, chủ bút vẫn còn là ngậ-sĩ, đũa b'ều được hưởng quyền đặc quyền t' pháp.

- Ấn định thời gian tối thiểu cho ngoại kiều nhập Việt tịch xin ra báo.

- Bức hồ điều kiện phải có giấy tư-pháp lý lịch số 2

- Quy định thời gian tối đa cao sự tạm thay chủ nhậ.

- Quy định thời gian tối đa cho sự tạm thay chủ nhậ.

### Mục VII : Tổ-các làng báo.

- Dự liệu cho phép thẩm-phán thời dự Hộ-đang Báo Chí với vai trò tư vấn t'ch cực.

- Ấn định hợp lý thành phần theo sự đặt Hộ Báo Chí.

- Định nghĩa sáng kiến hơn về ký giả.

- Quy định thêm các nhậ-vụ căn bản, luật định của Hộ-đang báo chí.

Ngạc ra, con phải ấn định thời chế-độ, sinh hoạt, điều kiện làm việc của nhậ-v'ên t'ên t'ác t'ôn báo.

Sau nữa, là chế-t'at các t'at pháp này, phải thay đổi các giá ngạch phạt bạc cho tương xứng với thời giá nhậ nay; nếu không hình phạt này tỏ ra quá nhẹ nhàng, kém hiệu quả.

Tuy nhậ, sự tu chỉnh các điều luật trên đây chỉ cần chứ chưa đủ, bởi vì nếu muốn làm cho bộ luật này hoàn toàn có giá trị tốt đẹp thực t'ển, thì phải có một khung cảnh thật thuận lợi để thực hiện một nền báo chí tự do, dân chủ, cách thực. Nói khác đi, ta phải lưu ý và xúc t'ển tốt đẹp bộ luật ngày 30.12.1969 này bằng các yếu-t'ố ngoại t'at, mà ta sẽ đề cập dưới đây .

TRẾT II : Những yếu-tố cần thiết ngoài tại

Những yếu-tố này cần được xét qua 2 khía cạnh sau đây :

- Khía cạnh khách quan, tiêu cực có tính cách gián tiếp đối với thực tiễn áp dụng bộ luật này.
- Khía cạnh chủ quan, tích cực có tính cách trực tiếp gắn trị thực tế của Qu- chế Lão-chí.

Ta sẽ lần lượt đi sâu vào 2 khía cạnh này để tìm ra những yếu tố và điều kiện cung ứng cho nền báo chí tự do dân chủ đích thực này.

Điểm I : Khía cạnh khách quan, tiêu cực :

Nói cho rõ hơn, đó là một khung cảnh thực tại thuận lợi để ổn định quốc-gia, trật tự xã-hội, an toàn và thăng tiến cho cá nhân; và sau nữa do sự phát triển tốt đẹp toàn bộ của xứ sở, mà ta có thể hình dung được qua tình hình quân sự tốt đẹp, khả quan; chính tình ổn định, vững chắc nền kinh-tế, tài-chánh ổn định và phát triển; tình trạng xã-hội thuần nhất đoàn kết chặt chẽ. Thật ra, đây là những hình ảnh lý tưởng khó bao giờ có thực, và có đầy đủ như vậy; vì trên thực tế mọi quốc-gia đều không thể chịu nhiều bất ổn trên một vài khía cạnh sinh hoạt. Riêng đối với các nước Á Phi chậm tiến, trong đó có quốc-gia Việt-Nam một xứ sở đang còn ở trong trạng huống nghèo đói, chịu chế độ tàn bạo hơn một phần tư thế-kỷ tới nay đang cố gắng điều trị những thất bại tai hại, để vươn lên tình trạng một quốc-gia ổn định và phát triển mọi mặt. Ý thức được điều này, nhận chân được thực nước nhà, báo giới sẽ hiểu được thế nào là vai trò và nhiệm vụ của mình trong công cuộc ổn định quốc-gia, xây dựng trật tự, tiến bộ xã-hội và phát triển xứ sở trên mọi mặt. Quyền tự do ngôn luận, báo chí được thiết định không những có mục đích duy nhất dân chủ, tiến bộ, xây dựng mà còn có mục đích điều hòa quy

lợi, nghĩa vụ của báo giới đối với quyền lợi chung tốt cao của dân tộc... Và chỉ khi nào tại Việt-Nam Cộng-Hòa độ có tình hình quân sự thắng lợi; ổn định, vững chắc trên mặt chính-trị; tình trạng kinh-tế tài-chánh tốt đẹp, vững mạnh, và một trật tự, tiến bộ, nhất trí của xã-hội thì ta mới quan niệm được một quyền tự do ngôn luận, báo chí đầy đủ, thực sự... Nó khác đi; báo chí chỉ được hưởng trọn vẹn những tinh hoa của dân-chủ tự do khi nào không còn những giới hạn chặt chẽ, khe khắt, võ đoán, bất công, co dãn được luật lệ qui định hay tự nhiên mà có của những điều mà người ta gọi là "bí mật quân-sự, quốc phòng", "bất lợi chính trị", "tai hại kinh-tế tài-chánh", "chính rẽ dân tộc", "nguy cơ xã-hội" thường phát xuất trong tình trạng một quốc-gia đang chịu áp lực to lớn, cấp bách về quân-sự, kinh-tế chính-trị xã-hội... Và ta có thể tóm lược nhận định này bằng lời phát biểu hoa mỹ sau đây: "Khi những lưỡi gươm Democles không còn lơ lửng xoay như chong chóng trên đầu những người làm báo, thì mới có thể có được quyền tự do ngôn luận đúng nghĩa được".

## Mục II : Khía cạnh chủ quan, tích cực :

Khía cạnh này gồm những yếu tố có tính cách trực tiếp, chủ động đòi hỏi nơi những người nắm giữ đệ tứ quyền, các giới chức công quyền hành xử luật lệ báo chí cũng như nơi độc giả quần chúng. Hay đúng hơn, khía cạnh này bao gồm các điều kiện về vật chất, về tinh thần và luật định; mà ta lần lượt trình bày sau đây :

### A) Phía báo giới :

Quyền tự do ngôn luận và báo chí có đạt được hay không một phần lớn tùy thuộc các người cầm bút này. Họ phải biết ý thức đúng đắn về nhiệm vụ thiêng liêng của họ; họ hành xử quyền tự do ngôn luận, làm báo trong sự hiểu biết thấu đáo về quyền hạn và nghĩa vụ của mình. Họ phải quan niệm thật rõ rệt



về vai trò của mình trong nền tự do dân-chủ của quốc-gia nói chung và báo chí nói riêng; và làm sao cho sự thực hiện quyền của bản này không phương hại tới an ninh quốc-gia, trật tự công cộng, thuần phong mỹ tục, không đi ngược lại tinh thần tiến bộ công ích của toàn dân, chủ trương đoàn kết nhất trí nội bộ của xã-hội, quyền lợi tối thượng của dân tộc. Tóm lại, vai trò của báo giới thật thiết yếu, quan trọng tại khắp mọi khía cạnh sinh hoạt quốc gia; sự hiện hữu của một nền báo chí tiến bộ, xây dựng là một điều bất khả thiếu trong thời chiến, cũng như thời bình... Nhưng muốn thực hiện được những tốt đẹp nói trên, báo giới phải tỏ ra có tư cách và khả năng xứng đáng trong thân chức, xử mệnh, lương tâm nghề nghiệp của mình. Tại Việt-Nam Cộng Hòa, không thiếu gì những tấm gương sáng chói trong lịch sử báo giới Việt-Nam, nhưng ta phải công nhận rằng, lòng báo Việt-Nam nói chung vẫn chưa thể đáp ứng kỳ vọng của quần chúng, niềm tin của chính quyền, sự trông cậy của nhà lập pháp đã thiết tha với nền dân chủ, mà hơn nữa lại tỏ ra thiếu khả năng trong nhiệm vụ; ngỡ ngàng tập tễnh với tinh thần dân chủ tự do; mất tư cách đối với quần chúng và công quyền, bất xứng trong vai trò nắm giữ đệ tứ quyền thể hiện qua đây rầy những vi phạm luật lệ, tranh dành quyền lợi ty tiện, chia rẽ nội bộ thấp hèn... Tóm lại, dù có hơn 100 năm hoạt động nói chung, lòng báo Việt-Nam vẫn còn ở trong tình trạng non kém, chia rẽ, lạc hậu, ích kỷ... tình trạng này được giải thích bằng lý do nghèo đói, trí thức, đức tính.

Quả vậy, muốn cải thiện tình trạng này thiết tưởng không còn vấn đề nào còn bức hơn việc thanh lọc hàng ngũ báo giới, nâng cao trình độ văn hóa, cải bản kiến thức của người làm báo; bảo đảm cho người cầm bút một cuộc sống vật chất tương đối đầy đủ cùng những bảo đảm an-ninh tối thiểu khác cho nghề nghiệp; đào tạo và tu nghiệp cấp tốc các kỹ giả trẻ trung, hăng say, thiết tha yêu nghề... Có thực hiện được những việc

trên, làm báo Việt-Nam mới có cơ hội thuận lợi để thực sự trưởng thành và phát triển, thăng tiến nghề nghiệp.

B/ Phân quần chúng độc giả :

Trong khi báo giới phải tồn tại, phục vụ quần chúng chưa đủ, thì đời sống, quần chúng nắm giữ vai trò phê phán giá trị và quyết định sự sống còn thực tế của báo chí... Báo chí không thể không có độc giả. Quần chúng nắm giữ vai trò không kém quan trọng trong việc phát triển hoạt động, và nâng cao giá trị báo giới. Quần chúng độc giả phải có nhận định sáng suốt, hợp lý, khách quan đối với báo chí; phải có thái độ ủng hộ hay tẩy chay khi cần. Tại Việt-Nam, tình trạng độc-giả có thể được nhìn qua các sự kiện đáng buồn và rõ rệt nhất sau đây :

- báo chí ít ỏi tại nông thôn, lạm phát tại đô thị
- báo chí ở trong tình trạng vô kỷ-luật, bê bối, chèn rế, lệ thuộc chính-quyền.
- Sự bái phục, "khách" của những tờ báo mà độc giả chuyên khoa thác dục vọng thấp hèn, khơi sâu hố chèn rế tôn giáo, chủng tộc, quyền lợi nhỏ nhen, phá hoại xứ sở.

Tình trạng này được giải thích bằng nhiều lý do : sự thiếu sót một trình độ học thức phổ quát tối thiểu, sự cách biệt thôn dân, thị dân; tình thần lạc hậu, ngu muội, xuẩn động; cũng như sự thiếu sót ý thức đứng đắn và nghiêm chỉnh của độc giả; đó là chưa kể tới đời sống vật chất thiếu kém; các trở ngại về giao thông, kỹ thuật.

Vậy, điều kiện cần thiết nơi độc giả đối với báo chí phải là : một đời sống vật chất kinh-tế khả quan; một trình độ học thức được nâng cao, một căn bản hiểu biết hợp lý, thiếu bộ, thích ứng với thực trạng, hướng tiến của dân tộc.

### C/ Phía công quyền

Vì được ủy nhiệm vai trò hướng dẫn, bảo đảm, trưng trị báo chí, nên vai trò của công quyền đối với báo giới là tỏ ra quan hệ hơn nữa. Tự do ngôn luận, tự do báo chí <sup>được</sup> / ~~được~~ <sup>được</sup> trên tron vẹn hay thiếu sót đều tùy thuộc vai trò giám hộ trưng trị của công quyền. Như ta đã biết, vai trò của công quyền đối với báo chí được phân phối cho 2 ngành : Tư-pháp và Hành-pháp. Ta hãy lần lượt phân tích dưới đây :

#### 2/ Cơ-quan tư-pháp :

Prévost Paradol đã phát biểu : "Muốn tìm hiểu chế độ báo chí của một quốc-gia, hãy tìm hiểu ai là kẻ xét xử báo chí", qua lời này, tác giả đã giáng tiếp đề cao vai trò của tòa án đối với báo chí. Quả vậy, ta thấy rằng, trong hầu hết bộ Luật Báo Chí tại các quốc-gia dân-chủ, cũng như luật 019/69 ngày 30.12.1969 về qui-chế báo chí, thậm-phán được trao phó rất nhiều nhiệm vụ cùng thẩm quyền trong nền tự do ngôn luận và báo chí. Những sơ hở thiếu sót trong qui-chế báo chí đã vô tình hay cố ý dành cho thẩm phán rộng quyền giám-tách và bổ-túc; nên thẩm phán được coi là có nhiệm-vụ qui định các lần mức cụ thể cho nền tự do ngôn luận, báo chí; ngoài nhiệm vụ xét xử các vụ án, và trưng trị tội phạm.

Với quyền và lệnh tịch thu và đình bản, cơ quan tư-pháp đã nắm giữ đời sống, sự sống còn của báo chí. Với quyền áp dụng các hình phạt tiền bạc, và nhai thân, tòa án quyết định vận mệnh, sự nghiệp của người làm báo... Sự hưởng thụ các quyền quan trọng trên đây phát xuất từ nền tín tưởng, trông cậy của nhà lập pháp, báo giới và cả quần chúng nữa... Tại Việt-Nam ta, cho đến nay, phải thực sự công nhận rằng tòa án đã làm mất một nhiều kỳ vọng lớn lao này : các thẩm phán thường bị coi là thiếu vô tư, công minh, thậm những; tòa án thường bị chỉ trích là chộp chộp, nhều khê, lệ thuộc chính quyền, thậm những. Trước những chỉ trích

Kịch luật này, pháp định đã đưa ra các lý do sau :

- Nhân-viên yếu kém về số lượng.
- Sự bất tuân luật pháp của báo chí.
- Sự né tránh, coi thường của Chính-quyền.
- Thế thức, thủ tục, hồ-sơ luật định phải đầy đủ, chính xác, hợp pháp.
- Mức sống vật chất thấp kém.

Các lý do trên không phải là hoàn toàn không xác đáng; song ta có quyền tin rằng trong tương lai, cơ quan tư-pháp sẽ thực sự có khả năng hữu hiệu, đầy đủ trong nhiệm vụ "cửa cần nẩy mực" cho sinh-hoạt báo chí tự do dân chủ, tòa án sẽ độc lập, vững mạnh đối với chính quyền và các nhóm áp lực khác.

Tư pháp sẽ công minh, vô tư, hợp lý trong các việc xét xử, và trung trị... Muốn vậy phải cải thiện bằng :

- Sự cộng đồng rộng rãi của cơ quan tư-pháp đối với báo chí.
- Sự bảo đảm tính cách trong sạch của thẩm phán bằng mức sống vật chất đầy đủ.
- Sự tuyển lựa, thanh lọc hàng ngũ nhân-viên trong ngành tư-pháp.
- Sự thu nhận các thẩm-phán trẻ, có tinh thần tự do, tiến bộ, trọng pháp luật hàng say trong nhiệm vụ.

## 2/ Cơ-quan Hành-pháp :

Từ bao lâu nay, Chính-quyền thường có khuynh hướng can thiệp, kiểm soát báo chí bằng cách này hay cách khác, càng nhiều càng tốt để giữ tinh thần cho khuynh hướng và công việc này, các lý do sau đây thường được Chính-quyền viện dẫn áp dụng :

- Tình trạng chậm trễ :

Do đó, báo giới và quần chúng chưa ý thức chính xác và nghiêm chỉnh được nền tự do dân chủ thực sự về chính-trị nói chung

và báo chí nói riêng; và có thể gây bất ổn, hỗn loạn trầm trọng phương hại đến trật tự xã-hội, quyền lợi quốc gia, nhưm phẩm con người.

- Tình trạng chiến tranh, nội loạn :

Nếu Chính-quyền phải tích cực chi phối và hạn chế quyền tự do ngôn luận và báo chí để ngăn ngừa các sự tiết lộ bí mật quốc phòng, quân sự, và xâm phạm an-ninh quốc-gia.

Nhưng hai lý do trên đây, nếu ta có thể chấp nhận sự kiểm soát báo chí trong thời kỳ chiến tranh, nội loạn; song ta khó có thể công nhận sự can thiệp nặng nề của chính-quyền vì tình trạng chiến-tranh; mà ngược lại trong thời kỳ này chính-quyền cố gắng mở rộng quyền tự do ngôn luận, báo chí và đồng thời tích-cực tạo điều kiện thuận lợi, dễ dàng cho quần chúng và báo giới đang khát khao chờ đợi các quyền tự do của bầu này...

Nhưng điều đáng nói ở đây không phải là vấn-đề máy bộ với trò cần thiết của Chính-quyền trong nền báo chí tự do dân chủ đích thực... mà chính là câu hỏi làm thế nào để chính-quyền hành xử nhiệm vụ và thẩm quyền của mình một cách nghiêm chỉnh, hợp lý. Như tại Việt-Nam ta, chính-quyền đã bị chỉ trích dữ dội trên các vấn-đề tịch thu báo bừa bãi kiểm duyệt bất hợp pháp, khe khắt, vô lý, bất công, ngu xuẩn trong công việc khuyến cáo kiểm duyệt. Luôn cả thiện tình trạng đáng buồn này, ta sẽ tưởng không còn gì cấp thiết hơn các điều kiện sau đây :

- Nâng cao trình độ văn-hóa, kiến thức của những nhân-viên trung cấp phụ trách trực tiếp với báo giới.
- Các giới chức lãnh đạo phải thực tâm xây dựng đầu-chủ và có tinh thần trọng pháp.
- Trong sạch, lành mạnh, hữu hiệu hơn các nhân-viên có thẩm quyền, liên hệ tốt sinh hoạt báo giới song song với việc cải thiện đời sống vật chất khả quan của các nhân-viên này.

Có như vậy, thì hành-pháp sẽ không còn bị mang tiếng là cố tình bóp chẹt tự do ngôn luận, chủ ý xâm phạm quyền dân chủ tự do báo chí thể hiện qua những tờ báo của Chính-quyền, những khuyến cáo có hiệu lực kiểm duyệt, sự phân phối giấy báo chuyên quyền vô doán; sự thao túng làng báo, sự áp lực cơ quan tư-pháp; sự bất tuân luật pháp, sự chi phối nhân thân các người làm báo v.v.

Tóm lại, cả 4 thành phần báo giới, quần chúng, tư pháp và hành-pháp phải tự ý thức được quyền hạn và nghĩa vụ của mình, biết thông cảm những khó khăn của nhau, vẫn cùng đồng tâm, nhất trí, giải quyết các trở ngại; điều hợp quyền lợi đầy đủ khả năng hợp tất nhận vụ thì mới có thể chắc chắn tin tưởng rằng: trong một hoàn cảnh thuận lợi, tốt đẹp với một bộ luật báo chí kện toàn, nền dân-chủ, tự do báo chí đích thực, xây dựng, tiến bộ sẽ hình thành với nhiều triển vọng nhất.

=====

THU-MỤC THAM-KHẢO

Tài-liệu Việt ngữ :

Sách

- "Luật số 019/69 ngày 30.12.1969 ấn-dịnh Quy-chế Báo-Chức Bộ Thông-Tin ấn hành.
- "Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 01.4.1967" Bộ Thông-Tin ấn hành.
- "Hiến-Pháp chú thích" - Luật-gia Trương Tiến Luật
- "Sưu tập luật-lệ hiện hành về báo chí và ấn-loát phẩm" Bộ Thông-Tin ấn hành

Nhật Báo và Tạp Chí :

- "Nhận xét về dự luật Quy-chế Báo chí" Trương Bảo Sơn - báo Sống.
- "Nhận định về Quy-chế Báo chí" - Lê Tuệ - Báo Cấp Tiến.
- "Quy-chế báo chí sẽ đi về đâu" - Trần Việt Anh - Báo Chính Luận.
- "Góp ý về luật lệ báo chí" - Trần Thúc Linh - tập hạ, báo chí tập san

Các luận văn sưu khảo :

- "Vấn-đề kiểm duyệt báo chí sau Tết Mậu Thân" Lê Ngọc Hồ - Lối-Sự 13
- "Vấn-đề kiểm duyệt báo chí tại Việt-Nam" Hà-Vinh Yên - Lối-Sự 14

Các nguồn tài-liệu khác :

- Phúc trình tập thể của toán Alpha, trường Chính-trị -Kinh Doanh - Viện Luật-Học Dalat
- Phúc trình số 1655-BV/UBTCH, 16.4.68 của Hạ Viện
- Bên bản 08-TNV/BB, 19.2.68 của Thượng Nghị Viện
- Găng tập "Tự do công công" Cử-nhân 3 Luật-khoa Luật-Học Saigon, NK. 1967-68 - GS.Nguyễn Hữu Lĩnh

Tài-liệu ngoại ngữ :

- Loi du 29.7.1881 sur la Liberté de la Presse.
- Decret du 4.10.1927 relatif aux régimes de la presse en Indochine, exception faite de la Cochinchine.
- Decret du 24.8.1939 concernant le contrôle de la presse et de publication promulgué le 2.9.1939.

- Arrêté du : 12.10.1946 portant promulgant en vndocb'ue  
du décret du 17.7.1946 tendant à fixer les conditions  
du dépôt légal dans les territoires relevant du Ministère  
de la France d'Outre-Mer.
  - Arrêté N°46-Cnb/SG du 7.3.1952
  - American Newspaper - Av'1 Silverman
  - Heritage of Liberty - Alan Barth
  - Les libertés publiques - Georges Burdeau.
-